

19/11

CHÍNH PHỦ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 478 /BC-CP

Hà Nội, ngày 08 tháng 10 năm 2020

BÁO CÁO

V/v thực hiện nghị quyết của Quốc hội về giám sát chuyên đề và chất vấn trong nhiệm kỳ khóa XIV và một số nghị quyết trong nhiệm kỳ khóa XIII thuộc lĩnh vực ngân hàng

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Giờ: ... C
	Ngày: 09/10/2020

Kính gửi: Các vị đại biểu Quốc hội

I. ĐÁNH GIÁ CHUNG VỀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT

Thực hiện các nhiệm vụ được giao tại Nghị quyết số 113/2015/QH13 và các Nghị quyết của Quốc hội về hoạt động chất vấn tại Kỳ họp thứ 2, 3, 4, 5, 7, 8 Quốc hội khóa XIV, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN) đã chủ động nghiên cứu, rà soát, phân công các đơn vị chức năng triển khai quyết liệt, có hiệu quả những nội dung có liên quan đến lĩnh vực Ngân hàng.

Đến nay, về cơ bản NHNN đã hoàn thành các nhiệm vụ được giao và đạt được mục tiêu Quốc hội, Chính phủ đề ra. Chủ động, linh hoạt trong điều hành CSTT phù hợp với diễn biến kinh tế vĩ mô, thị trường tiền tệ, góp phần quan trọng vào việc kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô. Thị trường tiền tệ, ngoại hối ổn định, dự trữ ngoại hối nhà nước tăng cao, niềm tin vào VND được củng cố. Mặt bằng lãi suất ổn định, lãi suất cho vay đối với lĩnh vực ưu tiên tiếp tục giảm. Tăng trưởng tín dụng gắn với chất lượng và hiệu quả, tập trung chủ yếu vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh, nhất là lĩnh vực có vai trò động lực cho tăng trưởng. Công tác cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu tiếp tục được triển khai mạnh mẽ, đạt được kết quả quan trọng, giữ vững sự ổn định, an toàn hệ thống, quy mô và năng lực tài chính tiếp tục được nâng cao; năng lực quản trị điều hành từng bước tiếp cận với thông lệ quốc tế; tính minh bạch và chất lượng dịch vụ ngân hàng được cải thiện; nợ xấu được kiểm soát và tiếp tục duy trì ở mức an toàn, ổn định. Hoạt động thanh toán tiếp tục có bước triển mạnh mẽ với nhiều sản phẩm, tiện ích ngân hàng mới, hiện đại được áp dụng; số lượng và giá trị thanh toán tăng trưởng mạnh; các rủi ro, nguy cơ mất an toàn cơ bản được lường đón, kiểm soát và xử lý kịp thời (*Chi tiết tại Phụ lục đính kèm*).

Các giải pháp đồng bộ nêu trên đã góp phần tích cực giúp nền kinh tế đạt được nhiều kết quả khả quan trong bối cảnh nền kinh tế thế giới có nhiều diễn biến phức tạp, góp phần củng cố vững chắc nền tảng kinh tế vĩ mô, nâng cao năng lực nội tại của nền kinh tế, duy trì mức tăng trưởng khá giai đoạn 2016-2020 (khoảng 6,21-7,08%), lạm phát được kiểm soát ở mức thấp hơn mục tiêu do Quốc hội đề ra.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ ĐƯỢC GIAO TẠI CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI

1. Điều hành chính sách tiền tệ, ngoại hối (Nghị quyết số

113/2015/QH13, Nghị quyết số 55/2017/QH14)

a) Điều hành đồng bộ và linh hoạt các công cụ CSTT; phối hợp với chính sách tài khóa và các chính sách vĩ mô khác nhằm ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế

Ngay từ đầu nhiệm kỳ, nhận thức được vai trò và trách nhiệm của mình, NHNN đã điều hành linh hoạt, đồng bộ các công cụ CSTT, góp phần quan trọng thực hiện thành công mục tiêu ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, đảm bảo giá trị đồng Việt Nam, thanh khoản hệ thống, ổn định thị trường, chia sẻ và tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh... tạo tiền đề cho tăng trưởng kinh tế bền vững. Từ năm 2016 đến nay, trong những giai đoạn thị trường thuận lợi, NHNN mua ngoại tệ từ TCTD để củng cố dự trữ ngoại hối Nhà nước (DTNHNN), phối hợp đồng bộ các biện pháp, công cụ CSTT, bao gồm cả chủ động truyền thông định hướng thị trường, bán ngoại tệ can thiệp một cách linh hoạt, phù hợp để ổn định thị trường ngoại tệ khi tỷ giá chịu nhiều áp lực; đồng thời, hút tiền về thông qua chào bán tín phiếu NHNN với khối lượng, kỳ hạn và lãi suất phù hợp nhằm chủ động kiểm soát tiền tệ, đảm bảo duy trì vốn khả dụng ở mức hợp lý, góp phần kiểm soát lạm phát, đồng thời hỗ trợ giảm mặt bằng lãi suất thị trường và góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế; tiếp tục duy trì ổn định tỷ lệ dự trữ bắt buộc (DTBB) để chủ động kiểm soát tiền tệ, tạo điều kiện ổn định thanh khoản, thị trường tiền tệ. Mặt khác, NHNN đã thực hiện tái cấp vốn đối với TCTD để hỗ trợ thanh khoản, cho vay theo các chương trình đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt của VAMC để hỗ trợ nguồn vốn hoạt động của TCTD trong quá trình xử lý nợ xấu theo Nghị định số 53/2013/NĐ-CP, Nghị định số 34/2015/NĐ-CP, Nghị định số 18/2016/NĐ-CP.

Trong giai đoạn từ năm 2016 đến nay, công tác phối hợp trong điều hành CSTT và CSTK giữa NHNN và Bộ Tài chính đã được triển khai đồng bộ, chặt chẽ từ cấp lãnh đạo đến các cấp tham mưu; qua đó giúp ổn định giá trị đồng tiền, hỗ trợ kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô; đồng thời, góp phần hỗ trợ công tác phát hành trái phiếu Chính phủ (TPCP), nâng cao hiệu quả quản lý ngân quỹ nhà nước. Trong đó, (i) NHNN đã điều hành giữ mặt bằng lãi suất ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát hành TPCP với kỳ hạn dài hơn và lãi suất thấp hơn giúp làm giảm chi phí huy động vốn cho ngân sách nhà nước; (ii) Chủ động trao đổi, phối hợp trong việc chuyển tiền gửi Kho bạc từ hệ thống ngân hàng thương mại (NHTM) về NHNN và gửi tiền có kỳ hạn tại các NHTM, qua đó, hỗ trợ NHNN kiểm soát tiền tệ và ổn định thị trường tiền tệ; (iii) Thường xuyên trao đổi các thông tin về thị trường tiền tệ, thị trường TPCP, việc điều hành ngân quỹ của KBNN để tăng cường sự phối hợp giữa công tác điều hành CSTT&CSTK.

Kết quả là, mặc dù dự trữ ngoại hối tăng lên mức kỷ lục nhưng mức tăng của tổng phương tiện thanh toán (M2) và lạm phát được kiểm soát ở mức phù hợp: M2 giai đoạn 2016-2019 và 9 tháng đầu năm 2020 (đến ngày 24/9/2020) tăng lần lượt là 17,65%; 14,91%; 12,21%; 14,22% và 8%. Lạm phát bình quân các năm 2016-2019 và 9 tháng đầu năm 2020 lần lượt là 2,66%; 3,53%; 3,54%; 2,79% và 3,85%, được duy trì khá ổn định quanh ngưỡng mục tiêu 4% và thấp hơn nhiều so với mức bình quân 18,58% của năm 2011 và 7,8%/năm của giai đoạn 2011-2015. Lạm phát cơ bản từ năm 2016 đến nay tương đối ổn định ở mức thấp, thể hiện sự ổn định và hiệu quả trong công tác điều

hành CSTT; đồng thời, tạo dư địa để Chính phủ điều chỉnh giá các mặt hàng và dịch vụ Nhà nước quản lý (lạm phát cơ bản bình quân các năm 2016-2019 và bình quân 9 tháng đầu năm 2020 lần lượt là 1,83%; 1,41%; 1,48%; 2,01% và 2,59%). Ước cả năm 2020, lạm phát bình quân dưới 4%, hoàn thành mục tiêu Quốc hội giao¹.

b) Điều hành ổn định mặt bằng lãi suất trong bối cảnh thị trường thế giới có nhiều sức ép

Từ năm 2016 đến nay, việc điều hành lãi suất phải đối mặt với nhiều thách thức như: Nhu cầu vốn, đặc biệt là vốn trung dài hạn, cho nền kinh tế Việt Nam còn phụ thuộc chủ yếu vào nguồn vốn từ hệ thống ngân hàng; trong khi đó nhu cầu phát hành TPCP của ngân sách Nhà nước tăng qua các năm; tâm lý thị trường trong nước phản ứng với các biến động của thị trường thế giới; hệ thống TCTD tiếp tục quá trình tái cơ cấu và xử lý nợ xấu, nâng cấp về chuẩn mực quản trị điều hành theo thông lệ quốc tế; năng lực tài chính, quản trị, điều hành giữa các TCTD còn có sự khác biệt lớn; thị trường và kinh tế thế giới diễn biến bất thường và đảo chiều nhanh chóng,... Trong bối cảnh đó, trên cơ sở bám sát diễn biến thị trường trong và ngoài nước, NHNN đã điều hành đồng bộ các giải pháp để nỗ lực duy trì ổn định và giảm mặt bằng lãi suất. Từ năm 2016 đến nay, NHNN điều chỉnh giảm 2-2,5%/năm các mức lãi suất điều hành, giảm 0,8-1,5%/năm trần lãi suất tiền gửi các kỳ hạn dưới 6 tháng, giảm 2,5%/năm trần lãi suất cho vay đối với các lĩnh vực ưu tiên; đồng thời kết hợp với điều tiết và đáp ứng kịp thời nhu cầu thanh khoản cho các TCTD, duy trì lãi suất thị trường liên ngân hàng ở mức phù hợp để tạo điều kiện hỗ trợ nguồn vốn với chi phí hợp lý cho các TCTD; chỉ đạo các TCTD cân đối khả năng tài chính để áp dụng mức lãi suất cho vay hợp lý nhằm chia sẻ khó khăn với khách hàng vay.

Trong đó, chỉ riêng trong 9 tháng đầu năm 2020, trước diễn biến phức tạp của dịch Covid-19, NHNN đã 03 lần điều chỉnh giảm đồng bộ các mức lãi suất với quy mô cắt giảm tương đối mạnh, cụ thể: *(i)* Ngày 17/3/2020, NHNN giảm các mức lãi suất điều hành từ 0,5-1%/năm, giảm 0,25-0,3%/năm trần lãi suất tiền gửi các kỳ hạn dưới 6 tháng và giảm 0,5% trần lãi suất cho vay đối với các lĩnh vực ưu tiên; *(ii)* Ngày 13/5/2020, NHNN tiếp tục giảm đồng bộ 0,5%/năm các mức lãi suất điều hành để phát tín hiệu mạnh mẽ và nhất quán về định hướng điều hành giảm lãi suất, sẵn sàng hỗ trợ thanh khoản cho các TCTD; giảm 0,3-0,5%/năm trần lãi suất tiền gửi và giảm 0,5%/năm trần lãi suất cho vay đối với các lĩnh vực ưu tiên nhằm tiếp tục giảm chi phí vốn vay của khách hàng; *(iii)* Ngày 01/10/2020, NHNN tiếp tục giảm đồng bộ 0,5%/năm các mức lãi suất điều hành, giảm 0,25%/năm trần lãi suất tiền gửi và giảm 0,5% trần lãi suất cho vay đối với các lĩnh vực ưu tiên². Cùng với các giải pháp điều hành đồng bộ, linh hoạt các công cụ CSTT, việc giảm mạnh các mức lãi suất điều hành của NHNN đã góp phần tháo gỡ khó khăn và hỗ trợ phục

¹ Tại Nghị quyết số 142/2016/QH13 ngày 12/4/2016 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2016-2020, Quốc hội đưa ra nhiệm vụ "phấn đấu kiểm soát lạm phát dưới 4% các năm đầu kỳ kế hoạch và 3% vào năm 2020". Tại Nghị quyết số 85/2019/QH14 ngày 11/11/2019 về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2020, Quốc hội đưa ra nhiệm vụ "kiểm soát lạm phát (Tốc độ tăng giá tiêu dùng (CPI) bình quân dưới 4%)".

² (i) Lãi suất tái cấp vốn giảm từ 6%/năm xuống 4%/năm; Lãi suất tái chiết khấu giảm từ 4%/năm xuống 2,5%/năm; Lãi suất chào mua giấy tờ có giá qua nghiệp vụ thị trường mở giảm từ 4%/năm xuống 2,5%/năm; Lãi suất cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng và cho vay bù đắp thiếu hụt vốn trong thanh toán bù trừ của NHNN giảm từ 7%/năm xuống 5%/năm; (ii) Lãi suất tối đa đối với tiền gửi bằng VND không kỳ hạn và dưới 1 tháng giảm từ 0,8%/năm xuống 0,2%/năm, lãi suất tối đa đối với tiền gửi VND kỳ hạn từ 1 đến dưới 6 tháng từ 5%/năm xuống 4%/năm; (iii) Lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND đối với các lĩnh vực ưu tiên giảm từ 6%/năm xuống 4,5%/năm.

hội kinh tế. So với các nước trong khu vực, mức giảm lãi suất điều hành của Việt Nam hiện là một trong các mức giảm mạnh nhất³. Mặt bằng lãi suất có xu hướng giảm, lãi suất cho vay tối đa đối với các lĩnh vực ưu tiên hiện ở mức 4,5%/năm, giảm khoảng 2,5%/năm so với năm 2016. Theo số liệu của Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), lãi suất cho vay của Việt Nam không cao hơn mặt bằng lãi suất cho vay của các nước trong khu vực có trình độ phát triển tương đồng. Tính đến tháng 7/2020, lãi suất cho vay bình quân của ASEAN-6 khoảng 5,7%/năm, ASEAN-4 khoảng 4,82%; Việt Nam 7,2%/năm. Trong đó, lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa đối với các lĩnh vực ưu tiên của Việt Nam (4,5%/năm) hiện thấp hơn mức lãi suất cho vay bình quân của ASEAN-4. Nếu so với các nước có trình độ phát triển tương đồng như Indonesia (9,41%), Mông Cổ (16,92%), Bangladesh (7,79%), Myanmar (14,5%), và Ấn Độ (9,05%)⁴ thì lãi suất Việt Nam chỉ ở mức trung bình.

c) Điều hành tỷ giá phù hợp với cân đối kinh tế vĩ mô, diễn biến thị trường trong và ngoài nước, thị trường ngoại tệ hoạt động thông suốt, các nhu cầu ngoại tệ hợp pháp được đáp ứng đầy đủ, NHNN mua được lượng ngoại tệ lớn bổ sung quỹ DTNHNN khi điều kiện thuận lợi

Từ đầu năm 2016 đến nay, NHNN điều hành tỷ giá chủ động, linh hoạt, phù hợp với cân đối vĩ mô, diễn biến thị trường và mục tiêu CSTT trong từng giai đoạn cụ thể. Theo đó, NHNN thực hiện công bố tỷ giá trung tâm hàng ngày trên cơ sở tham chiếu diễn biến thị trường trong và ngoài nước, các cân đối kinh tế vĩ mô, tiền tệ và mục tiêu CSTT góp phần ổn định tỷ giá và thị trường ngoại tệ trong nước. Trong một số giai đoạn, NHNN thực hiện mua ngoại tệ từ các TCTD, bổ sung DTNHNN khi điều kiện thị trường thuận lợi. Ngược lại, trong một số giai đoạn (như cuối năm 2016, nửa cuối năm 2018), khi tỷ giá tăng mạnh, cầu ngoại tệ có dấu hiệu căng thẳng, NHNN đã thực hiện bán ngoại tệ can thiệp (bao gồm cả bán ngoại tệ kỳ hạn) để cân đối cung-cầu ngoại tệ và ổn định thị trường ngoại tệ. Ngoài ra, NHNN đã phối hợp đồng bộ các giải pháp, công cụ khác như: điều tiết thanh khoản, lãi suất tiền đồng...; đẩy mạnh công tác truyền thông, định hướng thị trường về quan điểm và biện pháp điều hành, qua đó tạo sự đồng thuận của các thành viên thị trường và nâng cao tính minh bạch, hiệu quả của CSTT và tỷ giá.

Những tháng đầu năm 2020, trong bối cảnh kinh tế, tài chính thế giới biến động nhanh, phức tạp do tác động của dịch bệnh Covid-19, tâm lý trên thị trường có thời điểm bị tác động tiêu cực, NHNN đã điều hành tỷ giá linh hoạt, chủ động, kết hợp với các giải pháp điều tiết thanh khoản hợp lý, chủ động truyền thông, điều chỉnh giảm tỷ giá bán can thiệp và sẵn sàng bán ngoại tệ can thiệp để bình ổn thị trường, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô. Tỷ giá và thị trường ngoại tệ về cơ bản ổn định, tâm lý thị trường không xáo trộn, nhất là cân đối cung, cầu vẫn khá thuận lợi, thanh khoản thông suốt.

Như vậy, việc điều hành tỷ giá chủ động và linh hoạt đã góp phần ổn định tỷ giá và thị trường ngoại tệ, nâng cao vị thế Đồng Việt Nam, giảm tâm lý đầu cơ găm giữ ngoại tệ, góp phần ổn định vĩ mô; đồng thời, khuyến khích người dân bán ngoại tệ cho hệ thống ngân hàng, tạo nguồn cung tăng DTNHNN, góp phần giảm dần tình trạng đô la hóa, chuyển hóa nguồn ngoại tệ thành nguồn vốn phục vụ hoạt

³ Philippines: -1,75%; Thái Lan: -0,75%; Malaysia: -1,25%; Indonesia: -1,0%; Ấn Độ: -1,15%; Trung Quốc: -0,3%.

⁴ Tính đến tháng 7/2020.

động sản xuất, kinh doanh, phát triển kinh tế. Tỷ giá trung tâm các năm 2016-2019 và đến ngày 28/9/2020 lần lượt tăng 1,23%; 1,2%; 1,78%; 1,45% và 0,31% so với cuối năm trước; tỷ giá bình quân liên ngân hàng lần lượt tăng 1,2%; giảm 0,25%; tăng 2,16%; giảm 0,12% và tăng 0,08% so với cuối năm trước. Đồng Việt Nam ổn định hơn nhiều so với đồng tiền của nhiều đối tác thương mại.

d) Tiếp tục thực hiện các giải pháp quản lý thị trường ngoại tệ, thị trường vàng phù hợp nhằm chuyên hóa các nguồn vốn vào hoạt động sản xuất, kinh doanh

Thời gian qua, NHNN tiếp tục triển khai các biện pháp hạn chế sử dụng ngoại tệ trong nước theo quy định tại Thông tư số 32/2013/TT-NHNN ngày 26/12/2013 cùng với các biện pháp khác (điều hành chính sách tiền tệ, điều hành lãi suất, tỷ giá theo hướng tăng tính hấp dẫn của đồng Việt Nam, thu hút ngoại tệ vào hệ thống TCTD...) nhằm thực hiện mục tiêu hạn chế tiến tới xóa bỏ tình trạng đô la hóa, tăng niềm tin của người dân vào đồng Việt Nam, hạn chế những tác động tiêu cực đến cung cầu ngoại tệ và chính sách tỷ giá, tiền tệ trong nước. Bên cạnh đó, NHNN tiếp tục thực hiện, triển khai các giải pháp để thu hút các nguồn ngoại tệ vào hệ thống ngân hàng, góp phần ổn định thị trường, đáp ứng kịp thời nhu cầu ngoại tệ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân, thông qua các chính sách quản lý hoạt động đối ngoại tệ, chính sách mua, bán ngoại tệ tiền mặt của TCTD được phép với cá nhân.

Trong giai đoạn 2016-2020, với việc NHNN triển khai các giải pháp đồng bộ để quản lý thị trường vàng theo Nghị định số 24/2012/NĐ-CP và các Thông tư hướng dẫn, thị trường vàng trong nước tiếp tục diễn biến ổn định và tự điều tiết tốt. Nhiều thời điểm giá vàng thế giới biến động mạnh, khó lường, giá vàng trong nước mặc dù điều chỉnh theo giá vàng thế giới nhưng tốc độ chậm hơn, thị trường không xuất hiện các cơn “sốt vàng”, giao dịch trầm lắng, doanh số mua, bán vàng miếng ở mức thấp. NHNN tiếp tục không phải sử dụng ngoại tệ để nhập khẩu vàng can thiệp thị trường. Tình trạng vàng hóa trong nền kinh tế tiếp tục được hạn chế, một phần nguồn vốn bằng vàng được chuyên hóa thành tiền phục vụ phát triển kinh tế-xã hội, có thời điểm giá vàng trong nước thấp hơn giá vàng quốc tế quy đổi đã tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động xuất khẩu vàng trang sức, mỹ nghệ ra thị trường quốc tế để thu về ngoại tệ cho nền kinh tế.

2. Điều hành tín dụng tăng trưởng phù hợp với cân đối vĩ mô, đáp ứng nhu cầu vốn của nền kinh tế gắn liền với nâng cao chất lượng tín dụng, tập trung vào lĩnh vực sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên, tín dụng đối với các lĩnh vực rủi ro được kiểm soát chặt chẽ (Nghị quyết số 55/2017/QH14)

Bám sát các mục tiêu tăng trưởng kinh tế và lạm phát bình quân được Quốc hội và Chính phủ đặt ra từ đầu năm, NHNN đã xây dựng chỉ tiêu định hướng tín dụng cả năm, có điều chỉnh phù hợp với diễn biến, tình hình thực tế⁵. NHNN tiếp tục thực hiện các giải pháp tín dụng nhằm kiểm soát quy mô tín dụng phù hợp với chỉ tiêu định hướng đồng thời nâng cao chất lượng tín dụng và kiểm soát lạm phát, tạo điều kiện cho người dân và doanh nghiệp tiếp cận vốn tín dụng, cụ thể:

- Thông báo chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng cả năm đối với từng TCTD trên cơ sở đánh giá tình hình hoạt động, khả năng tài chính và khả năng tăng trưởng tín dụng lành mạnh. Trong quá trình điều hành, NHNN xem xét điều chỉnh chỉ

⁵ Năm 2016: khoảng 18-20%; năm 2017: khoảng 18%; năm 2018: khoảng 17%; năm 2019 và năm 2020: khoảng 14%.

tiêu của một số TCTD nhằm đảm bảo hỗ trợ TCTD mở rộng tín dụng có hiệu quả cho doanh nghiệp và người dân, qua đó góp phần hỗ trợ tăng trưởng kinh tế trong bối cảnh lạm phát được kiểm soát ở mức hợp lý.

- Chỉ đạo TCTD tăng trưởng tín dụng hiệu quả; tập trung tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, nhất là các lĩnh vực ưu tiên theo chủ trương của Chính phủ. Kiểm soát chặt chẽ tín dụng vào các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro như bất động sản, chứng khoán,... và cho vay ngoại tệ; tăng cường quản lý rủi ro đối với các dự án BOT, BT giao thông, tiêu dùng⁶.

- Tiếp tục thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn trong tiếp cận tín dụng ngân hàng, tăng cường triển khai chương trình kết nối doanh nghiệp - ngân hàng, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp tiếp cận vốn⁷.

- Quyết liệt triển khai nhiều giải pháp căn cơ, cụ thể nhằm mở rộng tín dụng có hiệu quả, tăng khả năng tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng cho người dân, doanh nghiệp, góp phần đẩy lùi tín dụng đen như: (i) Ban hành kế hoạch hành động của ngành Ngân hàng triển khai Chỉ thị 12/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ nhằm hạn chế tín dụng đen⁸; (ii) Rà soát sửa đổi các quy định về cho vay tiêu dùng, cho vay phục vụ nhu cầu đời sống để tạo điều kiện cho các TCTD mở rộng các sản phẩm, kênh cho vay phù hợp với nhu cầu tiêu dùng của người dân; nghiên cứu sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện khuôn khổ pháp lý đối với các tổ chức TCVM và hệ thống QTDND, phát huy vai trò quan trọng trong việc gia tăng mức độ tiếp cận dịch vụ tài chính⁹; (iii) Chỉ đạo các TCTD phát triển các sản phẩm cho vay tiêu dùng¹⁰; đơn giản hóa thủ tục, rút ngắn thời gian giải quyết cho vay; tăng cường kiểm tra, kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và xử lý nghiêm các hành vi tiếp tay cho các đối tượng cho vay nặng lãi...

Nhờ triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp nêu trên, từ năm 2016 đến nay, tín dụng đều có mức tăng trưởng dương ngay từ những tháng đầu năm và có mức tăng trưởng bình quân năm trên 16%¹¹. Cơ cấu tín dụng có sự điều chỉnh tích cực, trong đó tín dụng tập trung vào lĩnh vực đóng góp tích cực cho tăng trưởng kinh tế như lĩnh vực

⁶ (i) tiếp tục áp dụng hệ số rủi ro của các khoản cho vay kinh doanh BĐS lên mức 200%, tăng hệ số rủi ro đối với khoản cho vay phục vụ đời sống mà tổng số tiền thỏa thuận vay từ 04 tỷ đồng trở lên, giảm dần theo lộ trình tỷ lệ nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung dài hạn; (ii) yêu cầu TCTD ban hành quy định nội bộ về cấp tín dụng, quản lý tiền vay đối với kinh doanh BĐS; (iii) yêu cầu TCTD phải kiểm soát dư nợ tín dụng để đầu tư, kinh doanh trái phiếu doanh nghiệp không vượt quá 5% vốn điều lệ; (iv) Hệ số rủi ro đối với các khoản phải đòi để đầu tư kinh doanh chứng khoán là 150%; (v) ban hành văn bản chỉ đạo cảnh báo về việc cho vay cầm cố sổ tiết kiệm, trái phiếu doanh nghiệp, kiểm soát chặt chẽ khoản vay, đặc biệt là kiểm soát mục đích sử dụng vốn vay và giải ngân vốn vay đối với các khoản vay có bảo đảm bằng cầm cố sổ tiết kiệm,...

⁷ Ngành Ngân hàng đã tổ chức các Hội nghị, buổi gặp gỡ, đối thoại để kết nối ngân hàng-doanh nghiệp trong năm 2016 là 733 cuộc; năm 2017 là 1.070 cuộc; năm 2018 là 1.500 cuộc. Riêng trong năm 2019, NHNN đã phối hợp với UBND các tỉnh, thành phố tổ chức 06 Hội nghị lớn về công tác tín dụng tại 03 thành phố lớn và 03 khu vực kinh tế trọng điểm, cùng với 350 cuộc gặp gỡ, đối thoại trên cả nước do NHNN Chi nhánh tỉnh, thành phố phối hợp với các TCTD trên địa bàn tổ chức. Trong những tháng đầu năm 2020, NHNN đã tổ chức Hội nghị tại 15 tỉnh, thành phố nhằm triển khai các giải pháp hỗ trợ khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.

⁸ Quyết định 1178/QĐ-NHNN ngày 31/5/2019.

⁹ Thông tư 39/2016/TT-NHNN, Thông tư 43/2016/TT-NHNN, Thông tư 18/2019/TT-NHNN.

¹⁰ Trong đó, chỉ đạo Agribank đẩy mạnh triển khai hơn nữa chương trình tín dụng tiêu dùng 5.000 tỷ đồng (món vay tiêu dùng tối đa 30 triệu đồng không có tài sản bảo đảm, xét duyệt, giải ngân trong ngày). Đến cuối tháng 8/2020 đã cho 384.814 lượt khách hàng vay vốn phục vụ đời sống, tiêu dùng (số tiền vay không quá 30 triệu đồng), doanh số cho vay đạt 17.102 tỷ đồng, dư nợ đạt 2.488 tỷ đồng.

¹¹ Tăng trưởng dư nợ tín dụng năm 2016: 18,25%; năm 2017: 18,28%; năm 2018: 13,89%; năm 2019: 13,65%.

SXKD¹², lĩnh vực ưu tiên¹³; tín dụng đối với lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro được kiểm soát chặt chẽ¹⁴. Những năm gần đây, tín dụng tăng trưởng phù hợp, được kiểm soát theo mục tiêu nhưng tăng trưởng kinh tế vẫn ở mức cao, cho thấy các giải pháp, chính sách tín dụng của NHNN đã đi đúng hướng, vừa đảm bảo mở rộng tín dụng hiệu quả, an toàn, cung ứng đủ vốn cho nền kinh tế, vừa phù hợp với mục tiêu kiểm soát lạm phát¹⁵.

Riêng những tháng đầu năm 2020, do tác động của dịch Covid-19, cầu tín dụng ở mức thấp nên tăng trưởng tín dụng thấp hơn các năm trước (đến cuối tháng 1 tăng 0,1% so với cuối năm 2019, đến cuối tháng 2 tăng 0,17% so với cuối năm 2019). Tuy nhiên, nhờ kịp thời triển khai các giải pháp đồng bộ, tín dụng từng bước được cải thiện và đến ngày 24/9/2020, dư nợ tín dụng toàn hệ thống tăng 5,42% so với cuối năm 2019.

- Một số chương trình tín dụng đặc thù:

a) Hoàn thiện chính sách tín dụng nông nghiệp, nông thôn, chú trọng cho vay đối với lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao (NNCNC)

Để đẩy mạnh cho vay lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn, NHNN đã trình Chính phủ ban hành Nghị định 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/18 sửa đổi bổ sung Nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015, trong đó có nhiều chính sách ưu đãi, khuyến khích như: Nâng mức cho vay không có tài sản đảm bảo đối với hộ dân, hộ gia đình; bổ sung đối tượng được vay vốn, cho phép mở rộng cho vay không có tài sản đảm bảo (TSĐ) tối đa lên đến 70% giá trị dự án, phương án sản xuất NNCNC đối với các doanh nghiệp có dự án sản xuất NNCNC nhưng không thuộc khu, vùng NNCNC, chưa được cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp NNCNC; quy định khách hàng được sử dụng tài sản hình thành từ vốn vay của dự án, phương án sản xuất kinh doanh ứng dụng công nghệ cao trong nông nghiệp làm TSĐ cho khoản vay;

¹² Giai đoạn 2016-2019, tín dụng đối với ngành công nghiệp bình quân tăng 9,17%/năm, chiếm trên 20% tổng dư nợ nền kinh tế; Tín dụng ngành xây dựng bình quân tăng 12,76%, chiếm 9,64%; Tín dụng ngành thương mại dịch vụ tăng trưởng ổn định đạt mức trung bình khoảng 18,6%, chiếm từ 57%-62,5%, trong đó, ngành Bán buôn, bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác là ngành có dư nợ cao nhất, chiếm từ 16,7%-20,5%. Tính đến cuối tháng 8/2020, tín dụng ngành công nghiệp tăng 3,24% so với cuối năm 2019, chiếm 18,75% tổng dư nợ nền kinh tế; tín dụng ngành xây dựng tăng 7,13%, chiếm 9,99%; tín dụng đối với ngành bán buôn, bán lẻ, sửa chữa ô tô, xe máy và xe có động cơ khác tăng 4,99%, chiếm 20,52%.

¹³ Bình quân giai đoạn 2016-2019, tín dụng đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn tăng 19,83%, chiếm khoảng 22% tổng dư nợ nền kinh tế; doanh nghiệp nhỏ và vừa tăng 16,69%, chiếm 19%; lĩnh vực xuất khẩu tăng 7%, chiếm 3,2%; công nghiệp hỗ trợ tăng 19,57%, chiếm 2,81%; doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao tăng 2,6%, chiếm 0,42%.

- Tính đến cuối tháng 8/2020, do ảnh hưởng của dịch Covid-19, dư nợ các lĩnh vực ưu tiên không tăng cao như cùng kỳ năm 2019, tín dụng lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn tăng 3,71%, chiếm 24,67%; doanh nghiệp nhỏ và vừa tăng 4,49%, chiếm 19,5%; lĩnh vực xuất khẩu tăng 6%, chiếm 2,95%; công nghiệp hỗ trợ giảm 4,61%, chiếm 2,57%; doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao giảm 0,12%, chiếm 0,36%.

¹⁴ - Dư nợ tín dụng lĩnh vực bất động sản tập trung chủ yếu vào dư nợ phục vụ mục đích tự sử dụng. Tỷ trọng dư nợ tín dụng đối với mục đích kinh doanh BĐS trong tổng dư nợ lĩnh vực BĐS ngày càng giảm (31/12/2017 là 45,63%, 31/12/2018 là 35,49%, 31/12/2019 là 32,95%). Đến cuối tháng 8/2020, tín dụng đối với lĩnh vực BĐS tăng 4,78% so với cuối năm 2019, chiếm 19,55% tổng dư nợ tín dụng; trong đó, BĐS phục vụ mục đích kinh doanh tăng 5,32%, chiếm 33,91% tổng dư nợ tín dụng BĐS; BĐS phục vụ mục đích tự sử dụng tăng 4,5%, chiếm 66,09% tổng dư nợ tín dụng BĐS.

- Tăng trưởng tín dụng đối với lĩnh vực đầu tư kinh doanh chứng khoán qua các năm 2018 là 14,7%, năm 2019 là 7,49%, đến cuối tháng 8/2020, giảm 10,35%, chiếm 0,32%.

- Tăng trưởng tín dụng phục vụ đời sống đã được kiểm soát qua các năm: năm 2016 là 48%, năm 2017 là 36,07%; năm 2018 là 29,59%; năm 2019 là 19,49%, đến cuối tháng 8/2020 tăng 2,37%, chiếm 19,96%.

- Bình quân giai đoạn 2016-2019, dư nợ lĩnh vực BOT, BT giao thông tăng 10,82%, chiếm 1,51%, tốc độ tăng giảm mạnh qua các năm và tỷ trọng cũng có xu hướng giảm. Đến cuối tháng 6/2020, dư nợ lĩnh vực này tăng 0,49%, chiếm 1,31%.

¹⁵ Tăng trưởng tín dụng và GDP năm 2016 tương ứng là 18,25% và 6,21%; năm 2017 là 18,28% và 6,81%; năm 2018 là 13,89% và 7,08%; năm 2019 là 13,65% và 7,02%.

bổ sung quy định về quản lý dòng tiền cho vay liên kết trong sản xuất nông nghiệp để các TCTD thống nhất thực hiện, hạn chế rủi ro, đẩy mạnh cho vay,...

Bên cạnh việc ban hành chính sách, thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Nghị quyết 30/NQ-CP ngày 7/3/2017, NHNN đã chỉ đạo các ngân hàng thương mại triển khai chương trình cho vay khuyến khích NNCNC, nông nghiệp sạch với lãi suất cho vay thấp hơn từ 0.5%-1.5% so với lãi suất cho vay thông thường¹⁶. Đến nay, doanh số cho vay lũy kế theo chương trình đạt khoảng 65.000 tỷ đồng với hơn 14.4000 khách hàng còn dư nợ.

b) Tình hình cho vay hỗ trợ ngư dân đánh bắt xa bờ theo Nghị định số 67/2014/NĐ-CP ngày 07/7/2014 của Chính phủ (Nghị định 67)

* Kết quả cho vay đóng mới, nâng cấp tàu theo Nghị định 67:

Kể từ khi Nghị định 67 có hiệu lực đến ngày 31/12/2017 (thời điểm dừng thực hiện ký kết mới hợp đồng cho vay đóng mới, nâng cấp tàu), các ngân hàng đã ký hợp đồng tín dụng đối với ngư dân để cho vay đóng mới, nâng cấp 1.177 tàu (1.031 tàu đóng mới và 146 tàu nâng cấp), chiếm 45,2% tổng số tàu cần đóng mới Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phân bổ cho các địa phương giai đoạn 2014 - 2020, với tổng số tiền cam kết cho vay đạt trên 11.700 tỷ đồng. Dư nợ đến cuối quý II/2020 đạt 9.936 tỷ đồng của 1.157 tàu còn dư nợ.

Nợ xấu chương trình cho vay theo Nghị định 67 hiện nay là 38,83%, phát sinh do cả nguyên nhân khách quan bất khả kháng dẫn đến ngư dân không trả được nợ vay và nguyên nhân chủ quan do chủ tàu chây ỳ cố tình không trả nợ; năng lực khai thác của chủ tàu yếu kém; ngư trường khai thác không thuận lợi; phương tiện khai thác quá mới và hiện đại nên chủ tàu gặp nhiều khó khăn trong vận hành, kém hiệu quả; nguyên nhân khác¹⁷.

* Giải pháp của ngành Ngân hàng: Để triển khai chính sách vay vốn theo Nghị định 67/2014/NĐ-CP đạt hiệu quả, hỗ trợ ngư dân gặp khó khăn trong trả nợ ngân hàng, NHNN đã kịp thời ban hành các Thông tư hướng dẫn¹⁸ và chỉ đạo, đôn đốc NHNN chi nhánh 28 tỉnh, thành phố ven biển và các NHTM đẩy mạnh triển khai thực hiện. Theo đó, các NHTM đã thực hiện các biện pháp tháo gỡ khó khăn như: (i) Cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho 299 khách hàng với số tiền 1396,84 tỷ đồng; (ii) Ưu tiên thu nợ gốc trước, nợ lãi sau đối với 29 khách hàng với dư nợ 291,7 tỷ đồng; (iii) Thực hiện cơ chế chuyên đổi chủ tàu trên cơ sở quyết định phê duyệt của UBND các tỉnh, thành phố ven biển đối với 11 trường hợp chủ tàu¹⁹ không còn đủ năng lực thực hiện dự án với dư nợ gần 60 tỷ đồng.

Bên cạnh đó, để hạn chế nợ xấu gia tăng, đảm bảo triển khai hiệu quả chương trình, trên cơ sở báo cáo và đề xuất của NHNN, Chính phủ đã giao Bộ NN&PTNT, Bộ Tài chính kịp thời rà soát, xử lý các kiến nghị về hoàn thiện cơ chế chính sách; chỉ đạo các Sở, ngành địa phương hỗ trợ ngành Ngân hàng trong việc quản lý dòng tiền, thu hồi nợ vay; quản lý, thu giữ và xử lý tài sản bảo đảm; bồi hoàn

¹⁶ Quyết định 813/QĐ-NHNN ngày 24/4/2017.

¹⁷ Như: lựa chọn ngành nghề chưa phù hợp, khách hàng không mua bảo hiểm theo quy định, công tác xác nhận thiệt hại chậm chễ; quá trình giải quyết bồi thường bảo hiểm nhiều tranh chấp.

¹⁸ Thông tư số 22/2014/TT-NHNN ngày 15/8/2014, Thông tư số 21/2015/TT-NHNN ngày 16/11/2015, Thông tư số 12/2018/TT-NHNN ngày 27/4/2018.

¹⁹ Tại các tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Kiên Giang, Tiền Giang.

bảo hiểm khi rủi ro xảy ra; đồng thời, giao Bộ NN&PTNT đầu mối nghiên cứu sửa đổi, bổ sung Nghị định 67. Hiện NHNN đang phối hợp với Bộ NN&PTNT trong việc nghiên cứu các nội dung sửa đổi, bổ sung những nội dung liên quan đến ngành ngân hàng tại Nghị định 67.

c) Các giải pháp tín dụng nhằm tháo gỡ khó khăn cho các khách hàng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh (dịch tả lợn Châu Phi, Covid 19, hạn mặn...)

NHNN đã kịp thời chỉ đạo các TCTD triển khai các giải pháp hỗ trợ người dân, doanh nghiệp bị thiệt hại do thiên tai (bão lũ, xâm nhập mặn vùng ĐBSCL²⁰, mưa lớn dẫn đến tiêu chết tại Tây Nguyên²¹, cháy rừng khu vực Duyên hải miền Trung,...), dịch tả lợn Châu Phi²²,... thông qua các biện pháp như cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn giảm lãi vay, cho vay mới, ưu tiên thu gốc trước, lãi sau,...; đồng thời, đáp ứng đầy đủ, kịp thời nhu cầu vốn thu mua lúa gạo nhằm hạn chế đà giảm giá, ảnh hưởng đến thu nhập người trồng lúa khu vực ĐBSCL²³.

* *Đối với dịch bệnh Covid-19:* Trước tác động tiêu cực của dịch bệnh Covid-19, trong những tháng đầu năm 2020, bên cạnh giải pháp về lãi suất, ngành Ngân hàng đã kịp thời triển khai có hiệu quả các giải pháp tín dụng, thanh toán nhằm ứng phó và khắc phục khó khăn do tác động của dịch bệnh Covid-19 đối với nền kinh tế như:

(i) Chủ động ban hành các văn bản và tổ chức làm việc trực tiếp với các TCTD để yêu cầu rà soát, đánh giá mức độ ảnh hưởng của dịch đối với khách hàng, xây dựng các chương trình, kịch bản hành động của ngân hàng.

(ii) Kịp thời ban hành Thông tư số 01/2020/TT-NHNN ngày 13/3/2020, Chỉ thị số 02/CT-NHNN ngày 31/3/2020, Công điện số 02/CĐ-NHNN ngày 11/3/2020 yêu cầu các TCTD cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn, giảm lãi vay, giữ nguyên nhóm nợ, hỗ trợ khách hàng chịu ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 phát sinh nợ phải trả từ ngày 23/01/2020 đến sau khi Thủ tướng công bố hết dịch 03 tháng²⁴;

²⁰ NHNN đã làm việc trực tuyến với đại diện Lãnh đạo UBND, UBMTTQ của 05 tỉnh nhằm đánh giá tình hình thiệt hại, khó khăn do hạn mặn gây ra. Đồng thời, có công văn chỉ đạo các TCTD và NHNN chi nhánh 13 tỉnh, thành phố ĐBSCL chủ động nắm bắt tình hình thiệt hại và có biện pháp tháo gỡ khó khăn cho khách hàng. Các TCTD đã kịp thời triển khai các giải pháp hỗ trợ khách hàng, cụ thể: (i) Cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho 1.833 khách hàng với dư nợ trên 2.083 tỷ đồng; (ii) Miễn giảm lãi vay cho 627 khách hàng với số tiền gần 1,9 tỷ đồng; (iii) Tiếp tục cho vay mới để khôi phục sản xuất đối với 924 khách hàng với doanh số cho vay đạt trên 740 tỷ đồng; (iv) Riêng NHCSXH đã và đang thực hiện khoanh nợ cho 278 khách hàng với dư nợ trên 4,1 tỷ.

²¹ Đến cuối tháng 8/2020, dư nợ tín dụng đối với ngành hồ tiêu đạt 14.970 tỷ đồng, giảm 9,5% so với cuối năm 2019. Dư nợ thiệt hại do hồ tiêu chết tại khu vực Tây Nguyên là 2.740 tỷ đồng, chiếm 22,6% tổng dư nợ cho vay hồ tiêu tại khu vực Tây Nguyên. Các TCTD đã hỗ trợ khách hàng vay vốn trồng hồ tiêu tại Tây Nguyên số tiền là 1.679 tỷ đồng thông qua các biện pháp như: cơ cấu lại nợ là 398,5 tỷ đồng; điều chỉnh giảm lãi suất là 248,5 tỷ đồng; cho vay mới khôi phục sản xuất kinh doanh là 1.032 tỷ đồng; khoanh nợ khoản vay tại NHCSXH là 122 triệu đồng.

²² Đến cuối tháng 8/2020, dư nợ cho vay ngành chăn nuôi lợn toàn quốc đạt khoảng 53.537 tỷ đồng (chăn nuôi lợn 34.216 tỷ đồng, thức ăn chăn nuôi 18.467 tỷ đồng, thuốc thú y 854 tỷ đồng), dư nợ bị thiệt hại do ảnh hưởng của dịch tả lợn Châu Phi là 1.578 tỷ đồng (trong đó chủ yếu là dư nợ cho vay nuôi lợn bị thiệt hại 1.400,28 tỷ đồng). Đến nay các TCTD đã hỗ trợ người chăn nuôi lợn tại 63 tỉnh/thành phố đang có dịch thông qua các biện pháp: cơ cấu lại thời hạn trả nợ 434 tỷ đồng; miễn, giảm lãi vay 136,898 tỷ đồng; cho vay mới phục hồi sản xuất kinh doanh 844 tỷ đồng, biện pháp khác (ưu tiên thu gốc trước, lãi sau...) 20 tỷ đồng.

²³ Ngành Ngân hàng đã hỗ trợ các doanh nghiệp, thương nhân để tập trung thu mua lúa gạo Vụ Đông Xuân 2019 với doanh số giải ngân gần 17.000 tỷ đồng để thu mua gần 2,7 triệu tấn lúa gạo, góp phần hạn chế đà giảm giá lúa gạo, đảm bảo đời sống bà con nông dân. Riêng các NHTM nhà nước đã tiên phong hạ lãi suất cho vay ngắn hạn xuống còn 6%/năm để hỗ trợ các doanh nghiệp thu mua lúa gạo.

²⁴ Đến 28/9/2020, các TCTD đã cơ cấu lại thời hạn trả nợ cho 272.115 khách hàng với dư nợ 331.013 tỷ đồng; miễn, giảm, hạ lãi suất cho 493.815 khách hàng với dư nợ 1.161.315 tỷ đồng, cho vay mới lãi suất ưu đãi với doanh số lũy kế từ 23/1 đến nay đạt 1.758.224 tỷ đồng cho 315.272 khách hàng, lãi suất thấp hơn phổ biến từ 0,5 – 2,5% so

Thông tư số 05/2020/TT-NHNN ngày 07/5/2020 và Quyết định số 925/QĐ-NHNN ngày 13/5/2020 về tái cấp vốn (tối đa 16.000 tỷ đồng) đối với NHCSXH theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg về thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19; Thông tư số 08/2020/TT-NHNN ngày 14/8/2020²⁵ cho phép các TCTD lùi lộ trình giảm tỷ lệ vốn ngắn hạn cho vay trung, dài hạn; tạo điều kiện cho các TCTD hỗ trợ tốt hơn cho khách hàng vay vốn phục hồi sản xuất, kinh doanh.

(iii) Về phía các TCTD đã xây dựng kế hoạch hành động hỗ trợ khách hàng thông qua giảm lãi suất huy động, triệt để tiết giảm chi phí để giảm lãi suất cho vay; triển khai các chương trình cho vay với lãi suất ưu đãi đối với khách hàng thuộc các ngành, lĩnh vực ảnh hưởng lớn do dịch²⁶.

(iv) Có chính sách miễn, giảm phí thanh toán như: (i) Ban hành Thông tư 04/2020/TT-NHNN ngày 31/03/2020, trong đó điều chỉnh giảm 50% phí dịch vụ thanh toán qua Hệ thống TTĐTLNH (từ ngày 01/4/2020 đến 31/12/2020)²⁷ và Quyết định số 978/QĐ-NHNN ngày 20/5/2020 hoàn phí giao dịch của NHCSXH khi thực hiện giải ngân cho vay theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg; (ii) 02 lần liên tiếp chỉ đạo NAPAS, các TCTD miễn, giảm phí giao dịch thanh toán cho khách hàng²⁸.

Ngoài ra, NHNN đã chỉ đạo các TCTD miễn phí chuyển tiền ủng hộ phòng, chống dịch Covid-19 và hạn hán, xâm nhập mặn qua tài khoản ngân hàng và miễn phí dịch vụ thanh toán cho các đối tượng nhận hỗ trợ theo Nghị Quyết số 42 và Quyết định số 15/220/QĐ-TTg ngày 24/4/2020.

d) Về việc phát triển và quản lý nhà ở xã hội theo Nghị định số 100/2015/NĐ-CP của Chính phủ (Nghị định số 100)

Thực hiện nhiệm vụ được giao tại Nghị định số 100, NHNN đã ban hành đầy đủ các văn bản hướng dẫn về cho vay²⁹, chỉ định 04 NHTM Nhà nước tham gia thực hiện chương trình, quyết định về lãi suất cho vay; đồng thời, có văn bản chỉ đạo NHCSXH³⁰: (i) hướng dẫn nội dung huy động tiền gửi tiết kiệm, xây dựng quy trình, thủ tục cho vay phù hợp với quy định tại Nghị định 100; (ii) trình Thủ

với trước dịch. Riêng NHCSXH đã thực hiện gia hạn nợ cho 163.044 khách hàng với dư nợ 4.086 tỷ đồng, điều chỉnh kỳ hạn trả nợ cho 75.209 khách hàng với dư nợ 1.567 tỷ đồng, cho vay mới đối với 1.591.918 khách hàng với dư nợ 58.728 tỷ đồng.

²⁵ Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 quy định về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

²⁶ Vietcombank giảm 1%/năm đối với dư nợ vay VND ngắn hạn; giảm 1,5%/năm đối với dư nợ vay VND trung dài hạn; giảm 0,5%/năm với dư nợ USD ngắn hạn; giảm 0,75%/năm với dư nợ USD trung dài hạn; cho vay mới giảm tới 1%/năm với VND và 0,5%/năm với USD. Vietinbank triển khai gói tín dụng ưu đãi lãi suất VND là 5,9%; hỗ trợ DN lãi suất chỉ từ 5% VND và từ 2,8% USD; Chương trình cho vay VND trung dài hạn lãi suất cố định tối thiểu 8,1%/năm. VPBank giảm lãi suất cho vay tới 1,5%/năm với khoản vay không có tài sản bảo đảm cho doanh nghiệp chịu tác động lớn của dịch...

²⁷ Ước tính nếu số lượng giao dịch thanh toán qua Hệ thống TTĐTLNH như năm 2019 thì đến hết năm 2020, tổng số phí thanh toán mà NHNN giảm sẽ vào khoảng 285 tỷ đồng.

²⁸ Chỉ đạo các TCTD: (i) miễn phí đối với giao dịch thanh toán trực tuyến các dịch vụ công và giảm phí dịch vụ chuyển tiền nhanh liên ngân hàng cho các giao dịch có giá trị nhỏ từ 500.000 đồng/giao dịch trở xuống; (ii) giảm phí dịch vụ chuyển tiền nhanh liên ngân hàng cho các giao dịch có giá trị từ 500.001 – 2.000.000 đồng. Đến nay, đã có 100% các ngân hàng tham gia thực hiện chính sách miễn, giảm phí cho khách hàng đối với giao dịch giá trị nhỏ (từ 2 triệu đồng trở xuống) và khoảng 63% giao dịch thanh toán qua NAPAS được áp dụng chính sách miễn hoặc giảm phí, trong đó có hơn 50% các giao dịch nhỏ của khách hàng được miễn phí. Ước tính dự kiến tổng số phí mà các ngân hàng giảm cho khách hàng tính đến hết năm 2020 cho cả 02 lần giảm phí là 1.004 tỷ đồng (lần 1 là 517 tỷ đồng và lần 2 là 487 tỷ đồng).

²⁹ Thông tư số 25/2015/TT-NHNN hướng dẫn cho vay NOXH theo Nghị định số 100/2015/NĐ-CP.

³⁰ Công văn số 9496/NHNN-TD ngày 10/12/2015.

tướng Chính phủ xem xét quyết định lãi suất cho vay ưu đãi thực hiện chính sách nhà ở xã hội trong từng thời kỳ. Bên cạnh đó, NHNN đã phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành liên quan xây dựng trình Chính phủ về việc cấp nguồn vốn ngân sách thực hiện cho vay nhà ở xã hội, văn bản hướng dẫn về cấp bù lãi suất³¹.

(i) Đối với các TCTD được chỉ định: tự huy động vốn, được ngân sách nhà nước cấp bù chênh lệch lãi suất. Tuy nhiên, các TCTD được chỉ định chưa thực hiện triển khai cho vay theo Nghị định 100/2015/NĐ-CP do chưa được bố trí nguồn ngân sách cấp bù chênh lệch lãi suất.

(ii) Đối với NHCSXH: Hiện nay, ngân sách nhà nước đã bố trí và chuyển vốn cho NHCSXH để cho vay nhà ở xã hội theo Nghị định 100 giai đoạn 2016-2020 là 2.163 tỷ đồng (theo quy định tại Nghị định 100, nguồn vốn cho vay ưu đãi tại NHCSXH bao gồm ngân sách nhà nước cấp 50% nguồn vốn, NHCSXH đáp ứng 50% nguồn vốn huy động; như vậy tổng nguồn vốn cho vay nhà ở xã hội theo Nghị định 100 giai đoạn 2016-2020 là 4.326 tỷ đồng). Đến ngày 31/8/2020, dư nợ cho vay nhà ở xã hội tại NHCSXH là 3.740 tỷ đồng với 11.221 khách hàng còn dư nợ.

Tại Nghị quyết số 41/NQ-CP ngày 9/4/2020, Chính phủ đã giao Bộ KHĐT cân đối thêm 1.000 tỷ đồng cho NHCSXH theo Nghị quyết số 71/2018/QH14 và bổ sung 2.000 tỷ để cấp bù lãi suất cho 04 NHTM do NHNN chỉ định để thực hiện hỗ trợ cho vay nhà ở xã hội. Trên cơ sở đó, Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ báo cáo cấp có thẩm quyền về việc cấp nguồn vốn này (khi báo cáo về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn ngân sách trung ương năm 2020 theo Nghị quyết số 84/NQ-CP ngày 29/5/2020 của Chính phủ). NHNN sẽ theo dõi, phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan để kịp thời hướng dẫn các NHTM thực hiện khi có quyết định bố trí nguồn vốn ngân sách của cấp có thẩm quyền.

đ) Các giải pháp kiểm soát hoạt động cho vay các dự án BOT, BT giao thông

Bám sát chỉ đạo của Quốc hội, Chính phủ, NHNN đã theo dõi sát sao tình hình cấp tín dụng đối với các dự án BOT, BT giao thông, đồng thời chỉ đạo các TCTD: (i) Kiểm soát chặt chẽ, mức độ tập trung tín dụng vào các dự án BOT, BT giao thông. Tăng cường kiểm soát rủi ro trong việc cho vay đối với các dự án BOT giao thông; (ii) Tăng cường cho vay hợp vốn đối với các dự án lớn nhằm chia sẻ rủi ro, đảm bảo các chỉ tiêu an toàn theo quy định; (iii) Thường xuyên nắm bắt thông tin về dự án, khách hàng vay vốn, phối hợp với khách hàng để giải quyết khó khăn, vướng mắc³².

3. Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động ngân hàng (Nghị quyết số 113/2015/QH13, Nghị quyết số 55/2017/QH14)

Từ năm 2016 đến nay, NHNN tiếp tục tập trung hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, cơ chế chính sách, tạo hành lang pháp lý đầy đủ để bảo đảm hệ thống ngân hàng hoạt động an toàn, xử lý các ngân hàng yếu kém, từng bước áp dụng chuẩn mực quốc tế vào hoạt động ngân hàng, bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người

³¹ Ngày 02/04/2018, Thủ tướng Chính phủ đã phê duyệt Quyết định số 18/2018/QĐ-TTg về hướng dẫn cấp bù chênh lệch lãi suất thực hiện chính sách cho vay nhà ở xã hội theo Nghị định số 100/2015/NĐ-CP.

³² Trong năm 2019, 04 TCTD đã ký hợp đồng tín dụng tài trợ 6.686 tỷ đồng thực hiện dự án cao tốc Trung Lương - Mỹ Thuận. Hiện nay, các TCTD đang thực hiện giải ngân theo tiến độ dự án.

gửi tiền, củng cố lòng tin của người dân vào hệ thống ngân hàng. Theo đó, NHNN đã trình Quốc hội, Chính phủ/Thủ tướng Chính phủ ban hành 01 Luật, 01 Nghị quyết, 15 Nghị định, 04 Quyết định; ban hành 168 Thông tư, 02 Thông tư liên tịch, cụ thể:

a) Về các cơ chế, chính sách hỗ trợ cơ cấu lại TCTD, xử lý nợ xấu, bảo đảm an ninh, an toàn, ổn định trong hoạt động ngân hàng

- *Nghị quyết của Quốc hội về thí điểm xử lý nợ xấu của các TCTD*: NHNN đã chủ động tham mưu, trình Chính phủ trình Quốc hội thông qua Nghị quyết 42/2017/QH14 ngày 21/6/2017 về thí điểm xử lý nợ xấu của các TCTD, góp phần giải quyết khó khăn, vướng mắc, bất cập trong các quy định của pháp luật về xử lý nợ xấu, tài sản bảo đảm của TCTD, VAMC, đảm bảo quyền chủ nợ hợp pháp của TCTD, VAMC cũng như thúc đẩy nhanh quá trình xử lý nợ xấu trong hệ thống ngân hàng. Để triển khai Nghị quyết số 42/2017/QH14 có hiệu quả, NHNN đã ban hành Chỉ thị số 06/CT-NHNN ngày 20/7/2017 và các văn bản sửa đổi, bổ sung các quy định về mua, bán và xử lý nợ xấu của VAMC³³ nhằm hoàn thiện cơ sở pháp lý tạo tiền đề để VAMC đẩy mạnh hoạt động mua bán nợ theo cơ chế thị trường, Chỉ thị số 05/CT-NHNN ngày 17/9/2018 về tiếp tục đẩy mạnh cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu.

- *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các TCTD*: Trong năm 2017, NHNN đã xây dựng, trình Chính phủ trình Quốc hội thông qua Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các TCTD (Luật số 17/2017/QH14). Sau khi Luật được thông qua, NHNN đã ban hành/trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy định chi tiết Luật (bao gồm 01 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và 03 Thông tư), đồng thời tiến hành rà soát, sửa đổi, bổ sung 13 Thông tư để đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất với quy định tại Luật.

Việc ban hành Luật số 17/2017/QH14 và các văn bản quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật đã hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho hoạt động xử lý, phục hồi các TCTD yếu kém bằng các hình thức phù hợp với cơ chế thị trường trên nguyên tắc thận trọng, bảo đảm quyền lợi của người gửi tiền và giữ vững sự ổn định, an toàn hệ thống, phát hiện, ngăn ngừa có hiệu quả việc phát sinh mới các TCTD yếu kém, đồng thời bổ sung các quy định tăng cường năng lực quản trị, điều hành của TCTD, xử lý triệt để hơn tình trạng sở hữu chéo, vốn ảo trong hoạt động của các TCTD.

- *Ban hành các chính sách nâng cao năng lực quản trị, năng lực điều hành, chú trọng quản trị rủi ro, bảo đảm an toàn hoạt động ngân hàng*: NHNN cũng đã tiến hành sửa đổi, bổ sung, thay thế các quy định về tổ chức, hoạt động của các TCTD, quy định về tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng theo hướng nâng cao năng lực quản trị, điều hành của TCTD và giảm thiểu rủi ro trong hoạt động ngân hàng tiệm cận với các tiêu chuẩn quốc tế, điển hình như quy định về: hệ thống kiểm soát nội bộ của NHTM, chi nhánh NHNNg; tỷ lệ an toàn vốn đối với

³³ Thông tư số 09/2017/TT-NHNN ngày 14/8/2017, Thông tư số 32/2019/TT-NHNN ngày 31/12/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2013/TT-NHNN về mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam.

ngân hàng, chi nhánh NHNNg; giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của TCTD, chi nhánh NHNNg; xếp hạng TCTD, chi nhánh NHNNg và QTDND...

- *Tăng cường năng lực thể chế trong hoạt động thanh tra, giám sát ngân hàng*: Nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của công tác thanh tra, giám sát ngân hàng, NHNN đã: (i) Hoàn thiện mô hình tổ chức và hoạt động của Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng theo hướng tinh gọn, hiệu quả; (ii) Ban hành quy định về trình tự, thủ tục thanh tra, giám sát ngân hàng, trong đó có quy định về áp dụng can thiệp sớm trong giám sát ngân hàng, bảo đảm theo dõi, đôn đốc, đánh giá kịp thời phương án khắc phục của đối tượng giám sát ngân hàng. Đồng thời, nhằm khắc phục những hạn chế, bất cập của quy định hiện hành về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng, NHNN đã trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định số 88/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 thay thế Nghị định số 96/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014.

- *Rà soát, sửa đổi quy định về hoạt động của hệ thống quỹ tín dụng nhân dân (QTDND)*: Trong giai đoạn 2016 đến nay, hệ thống văn bản về ngân hàng Hợp tác xã, QTDND và quỹ bảo đảm an toàn hệ thống QTDND được rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới đầy đủ, đảm bảo thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành, nâng cao hiệu quả chất lượng hoạt động của QTDND, đáp ứng nhu cầu phát triển nông nghiệp, nông thôn mới hiện nay ở Việt Nam.

b) Các văn bản quy phạm pháp luật khác

NHNN đã hoàn thiện hệ thống pháp lý về thanh toán với việc ban hành gần 20 Thông tư như quy định về: dịch vụ trung gian thanh toán, mở và sử dụng tài khoản thanh toán tại tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, hoạt động cung ứng và sử dụng phương tiện thanh toán, giám sát các hệ thống thanh toán, tiêu chuẩn kỹ thuật trong thanh toán, phí dịch vụ thanh toán. Hiện NHNN đang tập trung hoàn thiện dự thảo Nghị định thay thế Nghị định số 101/2012/NĐ-CP về thanh toán không dùng tiền mặt (TTKDTM) để gửi Bộ Tư pháp thẩm định trước khi trình Chính phủ.

Ngoài ra, NHNN cũng đã hoàn thiện các quy định liên quan đến đơn giản hóa, cắt giảm điều kiện kinh doanh, công tác quản lý ngoại hối tạo điều kiện thuận lợi và bảo đảm bảo lợi ích hợp pháp cho tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động ngoại hối phù hợp với yêu cầu thực tiễn, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, đồng thời vẫn đảm bảo mục tiêu quản lý của nhà nước về ngoại hối.

4. Tái cơ cấu, xử lý nợ xấu và tăng cường thanh tra, giám sát ngân hàng (Nghị quyết số 113/2015/QH13, Nghị quyết số 55/2017/QH14)

a) Tiếp tục triển khai quyết liệt, hiệu quả Đề án “cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016-2020” (Đề án 1058)

Bám sát các giải pháp, nhiệm vụ được giao tại Đề án 1058, NHNN đã tham mưu Thủ tướng Chính phủ thành lập Ban chỉ đạo cơ cấu lại hệ thống các TCTD; đồng thời ban hành Kế hoạch hành động của ngành Ngân hàng triển khai thực hiện Đề án (Quyết định số 1553/QĐ-NHNN ngày 20/7/2017).

- *Đối với các NHTM do nhà nước nắm giữ từ trên 50% vốn điều lệ (NHTMNN) (không bao gồm 03 NHTM mua bắt buộc)*: tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong hệ thống các TCTD, tích cực tham gia hỗ trợ, xử lý các TCTD yếu kém. NHNN giám sát

chặt chẽ việc triển khai giải pháp cơ cấu lại của các NHTMNN, kịp thời yêu cầu rà soát, điều chỉnh phương án phù hợp với thực tiễn hoạt động để khắc phục các tồn tại, yếu kém. Đến cuối tháng 8/2020, vốn điều lệ của 04 NHTMNN (Agribank, Vietcombank, Vietinbank, BIDV) đạt 145,2 nghìn tỷ đồng, chiếm 23,1% toàn hệ thống, tăng 6,3% so với cuối năm 2016; tổng tài sản đạt 5.334,4 nghìn tỷ đồng, chiếm 41,3% toàn hệ thống, tăng 40,2% so với cuối năm 2016.

Để tăng cường năng lực tài chính cho các NHTMNN, bảo đảm thực hiện đúng các quy định về tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu đáp ứng mức đủ vốn theo chuẩn mực vốn Basel II (phương pháp tiêu chuẩn), NHNN đã tích cực chỉ đạo các ngân hàng này thực hiện đồng bộ các giải pháp để bù đắp vốn thiếu hụt. Căn cứ nhu cầu tăng vốn rất cấp thiết của các NHTMNN, trên cơ sở thống nhất với các Bộ liên quan (Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Tư pháp), NHNN đã báo cáo các cấp có thẩm quyền về Phương án tăng vốn điều lệ cho các NHTMNN. Nội dung liên quan đến tăng vốn điều lệ cho Agribank từ nguồn ngân sách nhà nước đã được Quốc hội thông qua và đưa vào Nghị quyết số 122/2020/QH14 của Kỳ họp thứ 9, Quốc hội Khóa XIV. Hiện NHNN đang phối hợp với Bộ Tài chính để thực hiện các thủ tục bổ sung vốn điều lệ cho Agribank từ ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp (Luật số 69/2014/QH13 ngày 26/11/2014 của Quốc hội) và Nghị định số 91/2015/NĐ-CP. Đồng thời, NHNN chỉ đạo các NHTMNN xây dựng Phương án tăng vốn giai đoạn 2021-2026, trong đó, xác định nhu cầu tăng vốn và đề xuất các giải pháp tăng vốn, bao gồm cả nguồn ngân sách nhà nước cấp bổ sung.

- *Đối với các NHTMCP*: NHNN tiếp tục giám sát các NHTMCP thực hiện Phương án cơ cấu lại đã được phê duyệt, đồng thời yêu cầu một số ngân hàng rà soát tình hình triển khai, đề xuất sửa đổi, bổ sung phương án cơ cấu lại để trình cấp có thẩm quyền phê duyệt nhằm khắc phục triệt để các tồn tại, hạn chế trong hoạt động.

Các NHTMCP đều tập trung củng cố, chấn chỉnh toàn diện các mặt tài chính, quản trị, xử lý nợ xấu, tăng cường các biện pháp kiểm soát nhằm nâng cao chất lượng tín dụng, hiệu quả kinh doanh và năng lực cạnh tranh. Đến tháng 8/2020, vốn điều lệ của NHTMCP đạt 290,1 nghìn tỷ đồng, chiếm 46,1% toàn hệ thống, tăng 44,4% so với cuối năm 2016; tổng tài sản đạt 5.467,7 nghìn tỷ đồng, chiếm 42,3% toàn hệ thống, tăng 59,7% so với cuối năm 2016.

- *Đối với 03 NHTM mua bắt buộc và Ngân hàng Đông Á (DAB)*: Trên cơ sở chủ trương, định hướng của các cấp có thẩm quyền và căn cứ quy định pháp luật, NHNN đã tập trung chỉ đạo 03 ngân hàng mua bắt buộc và DAB xây dựng, hoàn thiện phương án cơ cấu lại/phương án phục hồi, chủ động, tích cực tìm kiếm đối tác, đàm phán với các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài có nguyện vọng tham gia cơ cấu lại. Đồng thời, NHNN đã tích cực chỉ đạo các ngân hàng mua bắt buộc sắp xếp lại mạng lưới hoạt động, tiết giảm chi phí, triển khai các hoạt động kinh doanh an toàn... trên nguyên tắc quyết liệt, thận trọng, chặt chẽ. Trên cơ sở đó, NHNN đã báo cáo các cấp có thẩm quyền về phương án xử lý 03 ngân hàng mua bắt buộc và DAB.

- *Đối với hệ thống QTDND*: NHNN đã tập trung chỉ đạo các đơn vị trong Ngành triển khai các giải pháp nhằm tăng cường củng cố hệ thống QTDND, tập trung xử lý QTDND yếu kém; chỉ đạo NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố theo dõi, kiểm tra, giám sát chặt chẽ quá trình triển khai thực hiện phương án cơ cấu lại gắn với xử lý nợ xấu đến

năm 2020 của các QTDND trên địa bàn. Theo đó, NHNN đã ban hành Chỉ thị số 06/CT-NHNN ngày 02/10/2018 về việc chấn chỉnh, tăng cường phòng, chống, ngăn ngừa vi phạm pháp luật nhằm đảm bảo an ninh, an toàn hoạt động trong hệ thống QTDND. Đồng thời, trong năm 2019, NHNN đã ban hành Đề án củng cố và phát triển hệ thống QTDND đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 và trình Thủ tướng Chính phủ ban hành Chỉ thị số 06/CT-TTg ngày 12/3/2019 về tăng cường giải pháp nhằm đảm bảo an toàn hoạt động, củng cố vững chắc hệ thống QTDND. Hiện NHNN đang tích cực chỉ đạo xử lý các QTDND yếu kém theo nguyên tắc bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người gửi tiền, hạn chế tối đa ảnh hưởng đến sự ổn định an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội và bảo đảm an toàn hệ thống QTDND.

Đến nay, về cơ bản hoạt động của hệ thống QTDND tương đối ổn định; các chỉ tiêu cơ bản đều tăng trưởng; các QTDND kinh doanh có lãi; nợ xấu chiếm tỷ lệ thấp; công tác phát triển, củng cố lại thành viên tiếp tục được quan tâm. Các QTDND phát huy được vai trò trong công tác huy động vốn, cho vay, hỗ trợ cho các thành viên trên địa bàn phát triển sản xuất - kinh doanh, nâng cao đời sống của người dân, góp phần không nhỏ vào việc xóa đói giảm nghèo và phát triển kinh tế địa phương, hạn chế tín dụng đen³⁴.

- *Đối với tài chính vi mô (TCVM)*³⁵: Hoạt động của tổ chức TCVM trong thời gian qua đã có những hiệu quả nhất định trong việc hỗ trợ, nâng cao đời sống của người dân, góp phần xóa đói, giảm nghèo và hạn chế tín dụng đen. NHNN tiếp tục hoàn thiện các quy định về tổ chức tài chính vi mô³⁶ để nâng cao hơn nữa hiệu quả công tác quản lý nhà nước và tạo điều kiện cho các chương trình, dự án tài chính vi mô hoạt động lành mạnh, hiệu quả.

Nhờ triển khai các giải pháp quyết liệt, đồng bộ nêu trên, công tác cơ cấu lại hệ thống các TCTD và xử lý nợ xấu đã đạt được nhiều kết quả tích cực, cụ thể:

- *Quy mô hệ thống các TCTD tiếp tục tăng*: Đến cuối tháng 8/2020, tổng tài sản đạt 12,93 triệu tỷ đồng, tăng 52,1% so với cuối năm 2016.

- *Năng lực tài chính của các TCTD được củng cố, vốn điều lệ tăng dần qua các năm; chất lượng quản trị, điều hành của các TCTD từng bước được nâng cao để tiệm cận với thông lệ quốc tế*: Đến cuối tháng 8/2020, vốn điều lệ của toàn hệ thống đạt 629,1 nghìn tỷ đồng, tăng 28,8% so với cuối năm 2016; vốn chủ sở hữu của toàn hệ thống đạt 1.007,7 nghìn tỷ đồng, tăng 69,4% so với cuối năm 2016.

- *Việc triển khai Chuẩn mực vốn Basel II tiếp tục được tập trung thực hiện để đáp ứng các thông lệ quốc tế về an toàn vốn*. Nhằm hoàn thiện khuôn khổ pháp lý triển khai Basel II tại Việt Nam, NHNN đã ban hành Thông tư số 41/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 hướng dẫn về lệ an toàn vốn theo Phương pháp tiêu chuẩn của Basel II (hiệu lực từ 01/01/2020). Theo đó, ngân hàng thương mại, chi nhánh NHNN phải duy trì tỷ

³⁴ Đến cuối tháng 7/2020, tổng nguồn vốn của toàn hệ thống QTDND trên địa bàn tỉnh, thành phố là 138,1 nghìn tỷ đồng, tăng 9,2% so với năm 2019; trong đó, tổng nguồn vốn huy động từ dân cư, tổ chức kinh tế đạt 121,2 nghìn tỷ đồng, tăng 13,7% so với năm 2019. Vốn điều lệ đạt 5 nghìn tỷ đồng tăng 6,9% so với năm 2019. Tổng dư nợ đạt 99,6 nghìn tỷ đồng giảm 0,7% so với năm 2019; trong đó cho vay ngắn hạn đạt 73,1 nghìn tỷ đồng, cho vay trung và dài hạn đạt 26,5 nghìn tỷ đồng. Kết quả kinh doanh (chênh lệch thu-chi lũy kế) toàn hệ thống đạt 904 tỷ đồng.

³⁵ Hiện nay, toàn hệ thống có 04 tổ chức TCVM (Tinh Thương, M7, Thanh Hóa và CEP) có trụ sở chính tại 03 địa bàn tỉnh, thành phố: Hà Nội, Hồ Chí Minh và Thanh Hóa; mạng lưới hoạt động tại 62 chi nhánh thuộc 23 tỉnh, thành phố trên cả nước.

³⁶ Ban hành Thông tư số 19/2019/TT-NHNN ngày 05/11/2019 về mạng lưới hoạt động của tổ chức TCVM; tiến hành rà soát, đánh giá, tổng kết 2 năm việc thực hiện Quyết định 20/2017/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về hoạt động của chương trình, dự án TCVM của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội, tổ chức phi chính phủ để nghiên cứu sửa đổi, bổ sung, bảo đảm phù hợp thực tiễn.

lệ an toàn vốn tối thiểu là 8% (được xác định trên cơ sở yêu cầu bổ sung vốn có tính đến rủi ro hoạt động và rủi ro thị trường thay vì chỉ yêu cầu vốn tính đến rủi ro tín dụng như quy định tại Basel I). Đến nay, hầu hết các TCTD đã áp dụng tỷ lệ an toàn vốn theo Thông tư số 41/2016/TT-NHNN, trong đó đến hết năm 2019, 18 TCTD đã được NHNN chấp thuận áp dụng trước thời hạn tỷ lệ an toàn vốn theo Thông tư số 41/2016/TT-NHNN; hoàn thành chỉ tiêu 12-15 TCTD đạt chuẩn Basel II về an toàn vốn vào năm 2020. Còn một số TCTD đề nghị được áp dụng tỷ lệ an toàn vốn theo Thông tư số 22/2019/TT-NHNN³⁷.

- Các TCTD đã ý thức và chú trọng hơn trong việc quản trị rủi ro và tăng cường tính minh bạch thông tin hoạt động theo quy định của pháp luật, đặc biệt là triển khai thực hiện Thông tư số 13/2018/TT-NHNN về hệ thống kiểm soát nội bộ của NHTM, chi nhánh NHNNg. Theo đó, đã tập trung: (i) Rà soát, cập nhật, hoàn thiện hệ thống các quy định nội bộ về các lĩnh vực nghiệp vụ; (ii) Thiết lập bộ máy kiểm tra, kiểm soát, quản lý rủi ro; (iii) Nâng cao hiệu quả giám sát của Hội đồng quản trị (HDQT), Ban điều hành đối với hoạt động của ngân hàng; (iv) Tách biệt chức năng quản trị của HDQT với chức năng điều hành của Ban điều hành; thiết lập cơ chế phân cấp, ủy quyền minh bạch, rõ ràng, tránh xung đột lợi ích; (v) Thiết lập và tuân thủ nghiêm ngặt hạn mức rủi ro, tăng cường công tác báo cáo rủi ro, sai phạm; (vi) Tăng cường đào tạo, phổ biến các quy tắc đạo đức, nghề nghiệp, nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật, tinh thần trách nhiệm của cán bộ các cấp trong thực thi nhiệm vụ; (vii) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và hiện đại hóa công nghệ ngân hàng.

Có thể nói, những nỗ lực của ngành Ngân hàng trong quá trình thực hiện cơ cấu lại đã góp phần quan trọng bảo đảm an toàn hoạt động ngân hàng, tạo nền tảng kinh tế vĩ mô bền vững, góp phần nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế, thể hiện ở việc các tổ chức xếp hạng tín nhiệm liên tục điều chỉnh tăng triển vọng xếp hạng trong các năm gần đây³⁸.

b) Kết quả xử lý nợ xấu và hiệu quả hoạt động của VAMC

** Kết quả xử lý nợ xấu:*

- Về xử lý nợ xấu nội bảng (theo Thông tư số 02/2013/TT-NHNN):

Nợ xấu nội bảng của hệ thống các TCTD tiếp tục được xử lý, kiểm soát và duy trì ở mức dưới 3%³⁹ (tỷ lệ nợ xấu nội bảng đến cuối tháng 7/2020 ở mức **1,92%**, ước tính đến cuối tháng 8/2020 ở mức **1,96%**). Tính từ năm 2012 đến cuối tháng 7/2020, toàn hệ thống các TCTD ước tính đã xử lý được **1.113,81** nghìn tỷ đồng nợ xấu (riêng năm 2019 xử lý được 159,7 nghìn tỷ đồng và 07 tháng đầu năm 2020 xử lý được 63,81 nghìn tỷ đồng).

³⁷ Thông tư số 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 được ban hành nhằm tạo cơ sở pháp lý để một số các TCTD đang gặp khó khăn về tài chính, cơ cấu lại danh mục tài sản chưa thực hiện được tỷ lệ an toàn vốn theo Thông tư số 41/2016/TT-NHNN kể từ ngày 01/01/2020 xây dựng lộ trình phù hợp (nhưng không quá thời hạn 03 năm) để thực hiện theo Thông tư số 41/2016/TT-NHNN.

³⁸ Có 19 NHTM của Việt Nam nằm trong danh sách Top 500 ngân hàng lớn và mạnh nhất Châu Á-Thái Bình Dương và 01 ngân hàng nằm trong Top 200 ngân hàng lớn nhất trong khu vực Châu Á-Thái Bình Dương xét về tiêu chí chỉ số sức mạng lớn nhất (Strength Rank) theo công bố của Tạp chí Asian Banker năm 2019. Trong đó, NHTMCP Ngoại thương xếp hạng thứ 17 trong số 500 ngân hàng được xếp hạng và 04 năm liên tiếp được đánh giá là ngân hàng có bảng cân đối tài chính mạnh nhất Việt Nam.

³⁹ Tỷ lệ nợ xấu nội bảng của hệ thống TCTD qua các năm 2016 là 2,46%; năm 2017 là 1,99%; năm 2018 là 1,91%; năm 2019 là 1,63%.

Tỷ lệ nợ xấu nội bảng, nợ bán cho VAMC chưa xử lý và nợ tiềm ẩn trở thành nợ xấu của hệ thống TCTD đến tháng 7/2020 ở mức **4,47%**, ước tính đến cuối tháng 8/2020 ở mức **4,49%**, giảm mạnh so với mức 10,08% cuối năm 2016, mức 7,36% cuối năm 2017 và mức 5,85% vào cuối năm 2018.

- Về xử lý nợ xấu được xác định theo Nghị quyết 42:

Lũy kế từ 15/8/2017 đến cuối tháng 7/2020, cả hệ thống TCTD đã xử lý được **303,1 nghìn tỷ đồng** nợ xấu xác định theo Nghị quyết 42⁴⁰; trong đó:

+ Xử lý nợ xấu nội bảng (không bao gồm xử lý bằng sử dụng dự phòng rủi ro và bán nợ cho VAMC thông qua phát hành trái phiếu đặc biệt) là 164 nghìn tỷ đồng (chiếm 54,1% tổng nợ xấu đã xử lý);

+ Xử lý các khoản nợ đang hạch toán ngoài bảng cân đối kế toán xác định theo Nghị quyết 42 là 71,2 nghìn tỷ đồng (chiếm 23,5% tổng nợ xấu đã xử lý);

+ Xử lý các khoản nợ xấu xác định theo Nghị quyết 42 đã bán cho VAMC được thanh toán bằng trái phiếu đặc biệt là 68 nghìn tỷ đồng (chiếm 22,4%).

** Hiệu quả hoạt động của VAMC:*

Sau gần 07 năm đi vào hoạt động, VAMC đã phát huy vai trò quan trọng trong việc mua, bán, xử lý nợ xấu của hệ thống các TCTD, cụ thể:

- Hoạt động mua nợ của VAMC góp phần quan trọng trong việc duy trì tỷ lệ nợ xấu của hệ thống TCTD ở mức dưới 3% trong suốt giai đoạn từ 2015 đến nay.

Lũy kế từ khi thành lập năm 2013 đến 31/8/2020, VAMC đã thực hiện mua nợ với 337.348 tỷ đồng giá mua nợ (tăng 91.424 tỷ đồng - tương ứng tăng 37% so với tổng lũy kế giá mua nợ giai đoạn 2013 đến 31/12/2016), dư nợ gốc nội bảng đã mua đạt 369.244 tỷ đồng (tăng 93.689 tỷ đồng - tương ứng tăng 34% so với tổng dư nợ gốc đã mua giai đoạn 2013 đến 31/12/2016), trong đó:

+ Đối với khoản nợ mua bằng TPĐB: VAMC đã thực hiện mua nợ đối với 27.516 khoản nợ của 17.037 khách hàng với dư nợ gốc nội bảng là 361.102 tỷ đồng, giá mua nợ đạt 329.007 tỷ đồng.

+ Đối với khoản nợ mua theo GTTT: VAMC đã thực hiện mua nợ đối với 84 khoản nợ của 37 khách hàng với dư nợ gốc nội bảng là 8.142 tỷ đồng, giá mua nợ đạt 8.341 tỷ đồng.

- Việc xử lý nợ xấu tại VAMC đạt được kết quả tích cực.

Lũy kế từ khi thành lập năm 2013 đến 31/8/2020, VAMC đã thực hiện thu hồi nợ đạt 155.674 tỷ đồng (tăng 104.658 tỷ đồng - tương ứng tăng 205% so với tổng thu hồi nợ giai đoạn 2013 đến 31/12/2016), trong đó: Thu hồi nợ mua bằng TPĐB đạt 150.281 tỷ đồng; Thu hồi nợ mua theo GTTT đạt 5.393 tỷ đồng. Đặc biệt, từ khi Nghị quyết số 42 có hiệu lực đến 31/8/2020, kết quả thu hồi nợ của VAMC đạt 94.303 tỷ đồng, bằng khoảng 60% tổng giá trị thu hồi nợ lũy kế.

Hiện nay, VAMC đang triển khai Đề án Cơ cấu lại và nâng cao năng lực VAMC giai đoạn 2017-2020 (ban hành theo Quyết định số 28/QĐ-NHNN ngày 05/01/2018 của

⁴⁰ Không bao gồm nợ xấu xử lý bằng sử dụng dự phòng rủi ro.

NHNN) theo hướng tiếp tục duy trì vai trò của VAMC là công cụ đặc biệt của Nhà nước trong xử lý nợ xấu và là trung tâm thúc đẩy sự phát triển của thị trường mua bán nợ.

c) Tăng cường hoạt động thanh tra, giám sát, kiểm tra, kiểm soát nội bộ; sử dụng hiệu quả thông tin đánh giá tín nhiệm các TCTD; Rà soát để xử lý dứt điểm tình trạng sở hữu chéo; Xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật trong hệ thống; Quản lý hoạt động cho vay của các công ty tài chính, hoạt động cho vay tiêu dùng

* *Công tác thanh tra tiếp tục được đổi mới theo hướng thanh tra pháp nhân, gắn kết chặt chẽ với công tác giám sát, từng bước kết hợp và áp dụng phương pháp thanh tra trên cơ sở rủi ro, hướng tới ngăn chặn, cảnh báo sớm các rủi ro có khả năng phát sinh thay vì chỉ tập trung xử lý sai phạm đã xảy ra. Công tác thanh tra, kiểm tra đã phát hiện nhiều tồn tại, sai phạm trong hoạt động của các TCTD và đã đưa ra những kiến nghị/khuyến nghị, cảnh báo góp phần đảm bảo hoạt động của các TCTD an toàn, lành mạnh và tuân thủ quy định của pháp luật. Từ năm 2016 đến hết tháng 8/2020, NHNN đã thực hiện khoảng 6.000 cuộc thanh tra, kiểm tra; ban hành kết luận thanh tra, biên bản kiểm tra đối với trên 5.700 cuộc thanh tra, kiểm tra; đưa ra khoảng 45.000 kiến nghị, yêu cầu TCTD khắc phục tồn tại, sai phạm; ban hành 800 quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với TCTD và doanh nghiệp, cá nhân. Ngoài ra, NHNN cũng chủ động, phối hợp chặt chẽ với các cơ quan liên quan (Ban Nội chính TW, Bộ Công an, Tòa án Nhân dân, Viện Kiểm sát Nhân dân, Kiểm toán Nhà nước, Thanh tra Chính phủ) phát hiện, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật, tăng cường đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tội phạm trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng.*

* *Công tác giám sát ngân hàng thường xuyên được đổi mới và tăng cường trên cơ sở hoàn thiện, triển khai các công cụ, phương pháp giám sát mới gắn liền với đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển cơ sở dữ liệu và hệ thống tiêu chí giám sát nhằm nâng cao khả năng cảnh báo sớm của NHNN đối với những rủi ro tiềm ẩn mang tính hệ thống và ngăn ngừa nguy cơ vi phạm pháp luật ngân hàng của các TCTD. Trên cơ sở những sai phạm, rủi ro phát hiện qua công tác giám sát, NHNN đã ban hành các văn bản chỉ đạo, chấn chỉnh, cảnh báo rủi ro, yêu cầu TCTD chấp hành nghiêm túc các quy định pháp luật.*

* *Về sử dụng thông tin xếp hạng các TCTD: Để phục vụ công tác quản lý nhà nước, đảm bảo an toàn, an ninh tiền tệ trong hoạt động ngân hàng, định kỳ hàng năm, NHNN tiến hành đánh giá, xếp hạng các TCTD⁴¹ dựa trên 06 tiêu chí theo mô hình CAMELS⁴². Trên cơ sở kết quả xếp hạng, NHNN có các biện pháp quản lý phù hợp với tình hình hoạt động và sự lành mạnh của từng TCTD như: (i) Xem xét, đánh giá về mức độ an toàn, lành mạnh của các TCTD; (ii) Kịp thời xác định các TCTD tiềm ẩn nguy cơ rủi ro; qua đó có các biện pháp ngăn chặn như: cảnh báo sớm tới các TCTD; yêu cầu TCTD xây dựng và thực hiện các phương án khắc phục; đặt TCTD vào tình trạng kiểm soát đặc biệt...*

⁴¹ Thông tư số 52/2018/TT-NHNN ngày 31/12/2018 về xếp hạng TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; Thông tư số 42/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 về xếp hạng các QTDND.

⁴² Gồm: Vốn (trọng số 20%), Chất lượng tài sản (trọng số 30%), Quản trị điều hành (trọng số 10%), Kết quả hoạt động kinh doanh (trọng số 20%), Khả năng thanh khoản (trọng số 15%), Mức độ nhạy cảm đối với rủi ro thị trường (trọng số 5%). Mô hình xếp hạng CAMELS dựa trên kết quả thanh tra tại chỗ kết hợp với phân tích các tỷ lệ trên báo cáo tài chính nhằm đánh giá và phân loại tình hình tổng thể về sức khỏe của một ngân hàng.

* *Về xử lý tình trạng sở hữu chéo*: Vấn đề sở hữu chéo, đầu tư chéo trong hệ thống các TCTD đã được xử lý có hiệu quả, tình trạng cổ đông/nhóm cổ đông lớn, thao túng, chi phối ngân hàng được kiểm soát. Kết quả: (i) Số cặp TCTD sở hữu chéo trực tiếp lẫn nhau đến nay đã khắc phục hết (năm 2012: 7 cặp); (ii) Sở hữu cổ phần trực tiếp lẫn nhau giữa ngân hàng và doanh nghiệp giảm, đến nay còn tại 1 NHTMCP với 1 cặp sở hữu cổ phần lẫn nhau⁴³ (tại thời điểm tháng 6/2012 có 56 cặp).

* *Về quản lý hoạt động cho vay của các công ty tài chính, cho vay tiêu dùng*

- *Đối với hoạt động của các công ty tài chính*: Trên toàn hệ thống hiện có 16 công ty tài chính đang hoạt động, trong đó có 12 công ty tài chính tín dụng tiêu dùng. NHNN thực hiện giám sát thường xuyên về tình hình tài chính và những vấn đề cần lưu ý đối với các công ty tài chính theo 02 nhóm (công ty tài chính hoạt động bình thường và công ty tài chính hoạt động yếu kém) đối với các nội dung: huy động vốn, cho vay, chất lượng tài sản, kết quả kinh doanh, tình hình thanh khoản, việc thực hiện các tỷ lệ an toàn hoạt động,... NHNN cũng đã ban hành Thông tư số 18/2019/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 43/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 về cho vay tiêu dùng của công ty tài chính theo hướng minh bạch hóa hơn, và cũng quy định chặt chẽ hơn về thu nợ, xử lý khiếu nại nhằm kiểm soát và giảm rủi ro phát sinh từ hoạt động của các công ty tài chính, bảo vệ quyền lợi khách hàng, đảm bảo hoạt động cho vay tiêu dùng phát triển an toàn, bền vững, lành mạnh.

- *Đối với hoạt động cho vay tiêu dùng*: NHNN thường xuyên có các công văn chỉ đạo NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố kiểm soát tốt việc cấp tín dụng tiêu dùng, phục vụ đời sống của các công ty tài chính tiêu dùng, chi nhánh và văn phòng đại diện của các công ty tài chính tiêu dùng; đồng thời yêu cầu TCTD, công ty tài chính tiêu dùng chấn chỉnh lại hoạt động cho vay tiêu dùng, có chính sách lãi suất phù hợp, thu nợ đảm bảo minh bạch, đúng quy định⁴⁴. Bên cạnh đó, NHNN đã tăng cường làm việc trực tiếp với một số TCTD có tỷ trọng cấp tín dụng đối với lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro, trong đó có cấp tín dụng tiêu dùng ở mức cao hoặc có xu hướng tăng nhanh. NHNN cũng đã từng bước hoàn thiện các cơ chế, chính sách quy định về cho vay tiêu dùng và cho vay phục vụ nhu cầu đời sống để bảo đảm quản lý, kiểm soát chặt chẽ hoạt động cấp tín dụng này⁴⁵.

* *Về công tác đấu tranh phòng, chống rửa tiền và tài trợ khủng bố*:

Giai đoạn từ năm 2016 đến nay tiếp tục đánh dấu những bước tiến quan trọng trong công tác phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố. Thực hiện vai trò của cơ quan đầu mối trong việc triển khai Kế hoạch hành động quốc gia về phòng, chống rửa tiền và tài trợ khủng bố giai đoạn 2015-2020⁴⁶, NHNN đã tích cực phối hợp với các Bộ, ngành liên quan: (i) Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về phòng,

⁴³ Gồm: NHTMCP Á Châu - Công ty cổ phần Bất động sản Hòa Phát - Á Châu (tỷ lệ sở hữu của NHTMCP Á Châu tại Công ty cổ phần Bất động sản Hòa Phát - Á Châu là 2,86% và ngược lại là 0,042%).

⁴⁴ Công văn số 3436/NHNN-TTGSNH ngày 15/5/2018; số 7022/NHNN-TTGSNH ngày 18/9/2018; số 7352/NHNN-TTGSNH ngày 16/9/2019; số 2438/NHNN-TD ngày 09/4/2019; số 4459/NHNN-TTGSNH ngày 14/6/2018; số 1366/TTGSNH4 ngày 09/5/2018; số 4660/NHNN-TTGSNH và số 4661/NHNN-TTGSNH ngày 29/6/2020.

⁴⁵ Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; Thông tư số 43/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; Thông tư số 18/2019/TT-NHNN ngày 04/11/2019.

⁴⁶ Quyết định số 2112/QĐ-TTg ngày 25/11/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

chống rửa tiền, tài trợ khủng bố⁴⁷; (ii) Tham mưu trình Thủ tướng Chính ban hành Quyết định số 474/QĐ-TTg ngày 30/4/2019 phê duyệt Kế hoạch hành động giải quyết những rủi ro rửa tiền, tài trợ khủng bố giai đoạn 2019-2020.

Từ tháng 10/2017 đến nay, với vai trò là Cơ quan thường trực của Ban chỉ đạo phòng, chống rửa tiền, NHNN đã phối hợp với các Bộ, ngành có liên quan triển khai các hoạt động chuẩn bị cho đánh giá đa phương của Nhóm Châu Á - Thái Bình Dương về chống rửa tiền (APG) đối với cơ chế phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố của Việt Nam. Hiện nay, NHNN đang tích cực phối hợp với các Bộ, ngành liên quan triển khai các hành động cần thực hiện theo khuyến nghị của Đoàn APG để sẵn sàng phản hồi, bảo vệ kết quả đánh giá khi APG chính thức làm việc với Việt Nam. Tăng cường công tác thanh tra, giám sát về phòng, chống rửa tiền, chống tài trợ khủng bố, thu hồi tài sản phạm tội; tăng cường phối hợp với các cơ quan chức năng trong công tác phát hiện, điều tra, xử lý tội phạm rửa tiền.

Cùng với các hoạt động chuẩn bị cho đánh giá đa phương, NHNN cũng tập trung thực hiện công tác thu thập, xử lý và chuyển giao thông tin giao dịch đáng ngờ và cung cấp cho các cơ quan có thẩm quyền⁴⁸; đồng thời tăng cường hợp tác quốc tế, xây dựng hệ thống công nghệ thông tin phục vụ công tác phòng, chống rửa tiền, góp phần phòng, chống tội phạm, bảo vệ an ninh tài chính-tiền tệ quốc gia và sự an toàn của hệ thống ngân hàng.

5. Triển khai tích cực Đề án đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt; đẩy mạnh ứng dụng và bảo đảm an ninh, an toàn công nghệ thông tin trong hoạt động ngân hàng; triển khai thí điểm các mô hình thanh toán mới, áp dụng công nghệ mới trong hoạt động thanh toán (Nghị quyết số 55/2017/QH14)

Giai đoạn 2016-2020 tiếp tục đánh dấu bước tiến vượt bậc trong sự phát triển của hoạt động thanh toán cả về chất và lượng với nhiều sản phẩm, dịch vụ thanh toán mới, tiện ích và hiện đại dựa trên ứng dụng công nghệ thông tin; các chỉ số thanh toán không dùng tiền mặt tăng trưởng ấn tượng; công tác đảm bảo an ninh, an toàn hệ thống TTKDTM được coi trọng và tăng cường; các rủi ro, nguy cơ mất an toàn cơ bản được nhìn nhận, kiểm soát và xử lý kịp thời. Kết quả này được thể hiện ở những mặt sau: (i) Hạ tầng kỹ thuật và công nghệ phục vụ TTKDTM, nhất là thanh toán điện tử được đầu tư, nâng cấp⁴⁹, trong đó Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng (TTĐTLNH) hoạt động an toàn, hiệu quả và thông suốt, tiếp tục phát huy vai trò là Hệ thống thanh toán xương sống của quốc gia, đáp ứng tốt nhu cầu thanh toán liên ngân hàng trong toàn quốc⁵⁰; (ii) Hoạt động TTKDTM có sự phát triển mạnh mẽ, nhất là thanh toán qua điện thoại di

⁴⁷ NHNN đã: (i) trình Chính phủ ban hành Nghị định số 87/2019/NĐ-CP ngày 14/11/2019 sửa đổi, bổ sung Nghị định số 116/2013/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng, chống rửa tiền; (ii) chủ trì ban hành Thông tư số 20/2019/TT-NHNN ngày 14/11/2019 sửa đổi, bổ sung Thông tư 35/2013/TT-NHNN ngày 31/12/2013 hướng dẫn một số quy định về phòng, chống rửa tiền.

⁴⁸ Từ năm 2016 đến nay, NHNN đã nhận được khoảng 7.700 báo cáo giao dịch đáng ngờ từ các đối tượng báo cáo, trong đó, đã chuyển giao thông tin cho cơ quan chức năng có thẩm quyền khoảng 580 vụ việc.

⁴⁹ Đến cuối tháng 8/2020 có 75 tổ chức triển khai dịch vụ thanh toán qua Internet và 45 tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán qua điện thoại di động. Số tài khoản cá nhân đạt 95,6 triệu, tăng 45,5% so với cùng kì năm 2016. Tổng lượng thẻ lưu hành đạt 109 triệu thẻ, tăng 38,7% so với cùng kì năm 2016. Mạng lưới ATM, POS phủ sóng đến tất cả địa bàn tỉnh trên cả nước với 19.541 ATM và 274.539 POS (tăng lần lượt 14,60% và 11,83% so với cùng kì năm 2016).

⁵⁰ Trong 8 tháng đầu năm 2020, tổng số lượng giao dịch qua Hệ thống TTĐTLNH đạt 94,2 triệu món, giá trị đạt gần 67,5 triệu tỷ đồng (tăng gần 85,6% về số lượng và 138,5% về giá trị so với cùng kì năm 2016).

động và Internet⁵¹; (iii) Xu hướng chuyển dịch sang các sản phẩm, dịch vụ có ứng dụng công nghệ mới, hiện đại, tiện ích và thân thiện với người sử dụng; (iv) Thanh toán điện tử trong khu vực dịch vụ công tiếp tục được triển khai rộng rãi⁵².

Để đạt được những kết quả như trên, NHNN đã chủ động triển khai các giải pháp đồng bộ, hiệu quả nhằm đẩy mạnh TTKDTM và nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ tài chính cho người dân theo chủ trương của Chính phủ như: **(i)** Triển khai hiệu quả Đề án phát triển TTKDTM (Quyết định 2545/QĐ-TTg ngày 31/12/2016) và Đề án đẩy mạnh thanh toán qua ngân hàng đối với dịch vụ công như thu thuế, điện, nước sinh hoạt, học phí, viện phí, chi trả các chương trình an sinh xã hội (Quyết định 241/QĐ-TTg ngày 23/2/2018); **(ii)** Ban hành Bộ Tiêu chuẩn cơ sở thẻ chip nội địa, Bộ đặc tả kỹ thuật QR-code nhằm đảm bảo an toàn, tiện ích với chi phí hợp lý; **(iii)** Chỉ đạo các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán, dịch vụ trung gian thanh toán (TGTT) nghiên cứu, ứng dụng mạnh mẽ các công nghệ mới, hiện đại vào các sản phẩm, dịch vụ thanh toán; **(iv)** Nâng cấp Hệ thống TTĐTLNH, chỉ đạo xây dựng Hệ thống thanh toán phục vụ các giao dịch bán lẻ (ACH) cho phép xử lý giao dịch thanh toán 24/7/365 nhằm đáp ứng tốt nhu cầu ngày càng tăng của người tiêu dùng trong nền kinh tế số; **(v)** Làm tốt công tác thông tin, tuyên truyền về TTKDTM, giáo dục tài chính, có các biện pháp hữu hiệu nhằm bảo vệ người tiêu dùng.

Cùng với công tác chỉ đạo phát triển TTKDTM, NHNN cũng đặc biệt chú trọng chỉ đạo, điều hành công tác đảm bảo an ninh, an toàn hoạt động thanh toán thông qua nhiều biện pháp như: **(i)** Tiếp tục hoàn thiện khuôn khổ pháp lý về tăng cường công tác an ninh công nghệ thông tin, an toàn trong lĩnh vực thanh toán dựa trên các chuẩn mực, thông lệ quốc tế, đảm bảo hệ thống thông tin của ngành Ngân hàng đủ sức ứng phó với các rủi ro, thách thức về an ninh thông tin trên không gian mạng⁵³; **(ii)** Ban hành các văn bản chỉ đạo, cảnh báo, chấn chỉnh các TCTD, tổ chức cung ứng dịch vụ trung gian thanh toán tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật và thực hiện các biện pháp tăng cường an ninh, bảo mật trong hoạt động thanh toán và trung gian thanh toán; **(iii)** Triển khai áp dụng các giải pháp tăng cường an ninh, an toàn đối với hạ tầng kỹ thuật phục vụ cho thanh toán; **(iv)** Triển khai các biện pháp cần thiết nhằm ngăn chặn, xử lý triệt để các hành vi lợi dụng hình thức thanh toán qua ngân hàng, tổ chức trung gian thanh toán để thực hiện hoạt động bất hợp pháp như: thanh toán xuyên biên giới trái phép, tiền ảo, tài sản ảo, giả mạo thẻ, bảo mật thông tin người sử dụng,...; **(v)** Tăng cường công tác thanh

⁵¹ Đến tháng 8/2020, số lượng và giá trị thanh toán qua kênh Internet đạt 282,4 triệu giao dịch với 17,4 triệu tỷ đồng (tăng 262,5% và 353,1% so với cùng kỳ năm 2016); Số lượng và giá trị thanh toán qua kênh điện thoại di động đạt 682,3 triệu giao dịch với gần 7,2 triệu tỷ đồng (tăng 980,9% và 793,6% so với cùng kỳ năm 2016); thanh toán qua POS đạt hơn 218 triệu món với 382,86 nghìn tỷ đồng (tăng tương ứng 176,45% và 139,52% so với cùng kỳ năm 2016); thanh toán qua ATM đạt 660 triệu món với 1.818,58 nghìn tỷ đồng (tăng tương ứng 38,65% và 53,77% so với cùng kỳ năm 2016). Theo khảo sát của PwC đối với 27 nước đã ghi nhận Việt Nam là thị trường tăng trưởng nhanh nhất về thanh toán di động trong năm 2018.

⁵² Đến nay, hệ thống TTĐTLNH đã hoàn thành kết nối thanh toán điện tử liên ngân hàng tại 63 KBNN cấp tỉnh trong cả nước, đáp ứng được nhu cầu thu, chi ngân sách của người dân và doanh nghiệp một cách nhanh chóng, kịp thời; khoảng 50 NHTM đã hoàn thành kết nối với hệ thống nộp thuế điện tử của Tổng cục Hải quan, của Tổng cục Thuế trên 63 tỉnh/thành phố và tất cả các quận, huyện trên cả nước, với 95% số thu Hải quan được thực hiện qua ngân hàng; 27 ngân hàng và 10 tổ chức cung ứng dịch vụ TGTT phối hợp thu tiền điện, doanh thu tiền điện của EVN thanh toán, thu qua ngân hàng, TGTT lên tới gần 90%.

⁵³ Từ năm 2017 đến nay, NHNN đã rà soát ban hành 02 Thông tư, 02 Quyết định và nhiều văn bản chỉ đạo về đảm bảo an ninh, an toàn thông tin mạng.

tra, kiểm tra, giám sát, đảm bảo các hệ thống thanh toán hoạt động an toàn, hiệu quả đối với hoạt động nghiệp vụ và hệ thống công nghệ của các tổ chức cung cấp dịch vụ thanh toán; (vi) Đẩy mạnh truyền thông, cảnh báo kịp thời phương thức, thủ đoạn mới của tội phạm công nghệ cao trong lĩnh vực ngân hàng.

NHNN cũng đã tích cực triển khai các giải pháp thí điểm các mô hình, công nghệ mới, như: (i) Phối hợp với Bộ, ngành liên quan nghiên cứu và đã có Báo cáo Thủ tướng Chính phủ về việc cho phép thí điểm các tổ chức TGTT và ngân hàng Việt Nam hợp tác thanh toán với tổ chức TGTT, ngân hàng nước ngoài; hay mô hình dịch vụ tương tự mô hình NHTM giao đại lý cung ứng các dịch vụ thanh toán; (ii) Chủ trì, phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, ban hành Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt triển khai thí điểm dùng tài khoản viễn thông thanh toán cho các hàng hóa, dịch vụ có giá trị nhỏ (Mobile Money)⁵⁴; (iii) Hoàn thiện hồ sơ đề nghị xây dựng Nghị định về cơ chế quản lý thử nghiệm có kiểm soát cho hoạt động Fintech trong lĩnh vực ngân hàng trình Chính phủ; (iv) Xây dựng Báo cáo cơ chế thí điểm quản lý hoạt động cho vay ngang hàng (P2P Lending) tại Việt Nam; (v) Nghiên cứu để bổ sung các quy định pháp lý phù hợp đối với các sản phẩm, mô hình, dịch vụ, phương tiện thanh toán mới gắn với cách mạng công nghiệp 4.0 như ngân hàng số⁵⁵, công nghệ định danh và nhận biết khách hàng điện tử (e KYC)⁵⁶.

Hiện nay, nhiều ngân hàng trong nước đã ứng dụng các công nghệ tiên tiến, giải pháp mới vào hoạt động thanh toán nhằm tăng tốc độ thanh toán, tăng cường an toàn, bảo mật dịch vụ, gia tăng trải nghiệm và sự hài lòng của khách hàng như: xác thực sinh trắc học (vân tay, khuôn mặt); thanh toán trên nền mã phản hồi nhanh (QR code); thanh toán an toàn, thuận tiện qua mã hóa thông tin thẻ (Tokenization); thanh toán phi tiếp xúc (contactless payment); giải pháp chấp nhận thanh toán linh hoạt trên thiết bị di động (mPOS)...

III. TÒN TẠI, HẠN CHẾ, NGUYÊN NHÂN VÀ ĐỊNH HƯỚNG, GIẢI PHÁP TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Về điều hành chính sách tiền tệ, tín dụng

a) Khó khăn, tồn tại, hạn chế

- Kinh tế toàn cầu suy giảm, nhiều bất trắc khó lường, căng thẳng thương mại leo thang, thị trường tài chính biến động mạnh có thể đẩy kinh tế thế giới tiếp tục suy thoái sâu, tác động nặng nề đến kinh tế trong nước trên nhiều phương diện trong bối cảnh Việt Nam đã hội nhập quốc tế sâu rộng và là nước có độ mở kinh tế lớn (200% GDP).

- Mặc dù lạm phát bình quân cả năm 2020 có khả năng đạt mục tiêu đề ra (dưới 4%) nhưng lạm phát những tháng cuối năm 2020 còn chịu nhiều rủi ro, áp lực tăng, giảm đan xen (giá lương thực - thực phẩm có thể biến động phức tạp do ảnh hưởng của thời tiết, dịch bệnh; giá dầu thế giới biến động khó lường; áp lực lạm phát từ phía tổng cầu phụ thuộc nhiều vào diễn biến của đại dịch Covid-19;...).

⁵⁴ Tờ trình số 42/TTr-NHNN ngày 24/4/2020.

⁵⁵ Quyết định số 1238/QĐ-NHNN ngày 8/7/2020; Quyết định số 711/QĐ-NHNN ngày 15/4/2020.

⁵⁶ NHNN đã nghiên cứu, xây dựng dự thảo Thông tư quy định về mở và sử dụng tài khoản thanh toán, trong đó có nội dung hướng dẫn việc mở tài khoản thanh toán bằng phương thức điện tử (eKYC) không cần gặp mặt trực tiếp.

- Cầu tín dụng giảm dẫn tới tăng trưởng tín dụng năm 2020 thấp (mặc dù ngành Ngân hàng đã quyết liệt và kịp thời triển khai hàng loạt các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, hỗ trợ phục hồi tăng trưởng kinh tế)⁵⁷.

b) Giải pháp, định hướng và kiến nghị, đề xuất

Trong thời gian tới, NHNN sẽ tiếp tục điều hành chủ động, linh hoạt các công cụ CSTT, thực hiện các biện pháp để hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng nhưng không chủ quan với lạm phát, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, đảm bảo an toàn hoạt động ngân hàng. Trong đó:

- Tiếp tục theo dõi sát diễn biến kinh tế vĩ mô, thị trường tài chính tiền tệ trong nước và thế giới để điều hành CSTT chủ động, linh hoạt, phối hợp chặt chẽ với CSTK và các chính sách kinh tế vĩ mô khác nhằm hỗ trợ hoạt động SXKD, thúc đẩy tăng trưởng nhưng không chủ quan với lạm phát. Điều hành lãi suất, tỷ giá linh hoạt, phù hợp với diễn biến thị trường trong và ngoài nước, các cân đối vĩ mô, lạm phát, tiền tệ và mục tiêu CSTT. Cùng cố Dự trữ ngoại hối Nhà nước khi điều kiện thị trường thuận lợi.

- Tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung cơ chế chính sách, quy định pháp luật về hoạt động tín dụng nhằm tạo khuôn khổ pháp lý phù hợp, đồng bộ cho mục tiêu điều hành CSTT linh hoạt và đảm bảo hoạt động ngân hàng an toàn, hiệu quả, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận tín dụng, góp phần hỗ trợ nền kinh tế.

- Chỉ đạo các TCTD tập trung tín dụng vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, đặc biệt là các lĩnh vực ưu tiên theo chủ trương của Chính phủ. Kiểm soát chặt chẽ tín dụng đối với lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro, cho vay bằng ngoại tệ. Khẩn trương xem xét điều chỉnh chỉ tiêu tăng trưởng tín dụng năm 2020 đối với các TCTD đáp ứng tốt các tỷ lệ bảo đảm an toàn và có khả năng mở rộng tín dụng nhưng không làm tăng mặt bằng lãi suất huy động và cho vay.

- Tiếp tục triển khai đồng bộ các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19; Tăng cường phối hợp với các tỉnh, thành phố triển khai Chương trình kết nối ngân hàng-doanh nghiệp; Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, đơn giản hóa thủ tục vay vốn.

Để triển khai có hiệu quả chính sách tiền tệ, tín dụng, bên cạnh những giải pháp nêu trên, NHNN có kiến nghị như sau:

* Kiến nghị chung: Trong bối cảnh thách thức từ môi trường quốc tế ngày càng gia tăng, dư địa thực thi chính sách tiền tệ không còn nhiều, việc đẩy mạnh cơ cấu nền kinh tế, cải thiện môi trường kinh doanh và nâng cao năng lực cạnh tranh cần tiếp tục tập trung triển khai quyết liệt để tăng sức chống đỡ của nền kinh tế, thúc đẩy nội lực của quốc gia, qua đó nhanh chóng chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo kịp với tình hình mới. Tập trung phát triển thị trường nội địa, kích cầu trong nước, đa dạng hóa thị trường xuất khẩu để giảm thiểu tác động tiêu cực của dịch bệnh.

⁵⁷ Nguyên nhân: (i) Dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, khiến các doanh nghiệp khắp khó khăn, phải thu hẹp quy mô, thậm chí phải dừng hoạt động (du lịch, vận tải, lưu trú...), các doanh nghiệp tiết giảm chi phí, không vay vốn để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh; (ii) Tình hình dịch bệnh trên thế giới cũng dẫn tới sự sụt giảm trong thương mại toàn cầu, ảnh hưởng tới nguồn cung cấp nguyên liệu cũng như thị trường đầu ra của các doanh nghiệp xuất nhập khẩu Việt Nam; (iii) Tâm lý người dân tập trung vào tiết kiệm, hạn chế việc đầu tư, tiêu dùng cá nhân (mua sắm, du lịch, xây dựng ...).

* Kiến nghị đối với các Bộ, ngành, địa phương:

(i) Tiếp tục phối hợp chặt chẽ trong việc xây dựng, điều hành mức độ và thời gian điều chỉnh giá các mặt hàng, dịch vụ do Nhà nước quản lý phù hợp với mục tiêu kiểm soát lạm phát. Đồng thời, tiếp tục rà soát, hoàn thiện cơ chế chính sách, đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển sản xuất kinh doanh, tiết kiệm chi phí, giảm giá thành sản phẩm, qua đó thực hiện thành công mục tiêu phục hồi tăng trưởng, kiểm soát lạm phát, ổn định kinh tế vĩ mô.

(ii) Triển khai đẩy nhanh giải ngân vốn đầu tư công, cải thiện môi trường đầu tư. Bộ Tài chính và NHNN tiếp tục phối hợp chặt chẽ, trao đổi kịp thời các thông tin về kế hoạch giải ngân đầu tư công, đảm bảo việc giải ngân thuận lợi, không gây xáo trộn thị trường tiền tệ.

(iii) Phối hợp chặt chẽ giữa các Bộ, ngành, địa phương, khẩn trương, nghiên cứu, đề xuất các giải pháp nhằm quyết liệt tháo gỡ khó khăn cho hoạt động sản xuất, kinh doanh, ổn định vĩ mô, đảm bảo an sinh xã hội.

2. Về triển khai chương trình tín dụng đặc thù, tín dụng chính sách

a) Đối với tín dụng phục vụ nông nghiệp, nông thôn: Cho vay phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn còn gặp nhiều khó khăn do sản xuất nông nghiệp luôn tiềm ẩn rủi ro do thiên tai, dịch bệnh, liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị chưa được đẩy mạnh, sản xuất nông nghiệp công nghệ cao chưa bài bản, thị trường tiêu thụ không ổn định ảnh hưởng đến hoạt động tín dụng.

Kiến nghị các Bộ, ngành, địa phương liên quan nâng cao chất lượng công tác quy hoạch trong sản xuất, chế biến và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, bảo đảm phù hợp giữa quy hoạch tổng thể và quy hoạch từng vùng, địa phương và thị trường, mở rộng tìm kiếm thị trường tiêu thụ, nhất là các sản phẩm nông nghiệp có thế mạnh của Việt Nam; tiếp tục thực hiện các giải pháp đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, chú trọng ứng dụng, phát triển công nghệ chế biến, chế biến sâu sản phẩm nông nghiệp, tăng cường liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị.

b) Đối với chương trình cho vay theo Nghị định 67: nợ xấu chương trình cho vay theo Nghị định 67 vẫn gia tăng do ý thức trả nợ của người dân còn kém, các chính sách hỗ trợ dạy nghề, bảo hiểm, đầu tư,... chưa đồng bộ, ngư trường khai thác, nguồn lợi thủy sản suy giảm ảnh hưởng đến hiệu quả khai thác của ngư dân.

Kiến nghị của NHNN: (i) Các cấp chính quyền địa phương cần tiếp tục quan tâm, hỗ trợ ngành ngân hàng trong quá trình thu hồi nợ vay và xử lý tài sản bảo đảm; đẩy mạnh công tác tuyên truyền để người dân hiểu chính sách của Nhà nước, nâng cao trách nhiệm trả nợ vay ngân hàng để chính sách phát huy hiệu quả, hạn chế nợ xấu ngân hàng; (ii) Các Bộ, ngành: thực hiện rà soát lại nguồn lợi thủy sản, ngư trường, quy hoạch phát triển tàu cá; hướng dẫn ngư dân tổ chức lại sản xuất để phát triển bền vững; đẩy mạnh triển khai các chính sách hỗ trợ bảo hiểm, hỗ trợ tiền dầu, duy tu, bảo dưỡng...; Nghiên cứu bổ sung cơ chế cho phép các khoản vay theo Nghị định 67 bị rủi ro do dịch Covid-19, được TCTD cơ cấu lại thời hạn trả nợ vẫn được hưởng hỗ trợ lãi suất.

c) *Đối với chương trình tín dụng cho vay nhà ở xã hội:* Việc triển khai một số chương trình tín dụng hỗ trợ lãi suất chậm được cấp vốn hoặc chưa được bố trí nguồn cấp bù lãi suất.

Kiến nghị Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính bố trí kế hoạch nguồn vốn và kịp thời thực hiện cấp bù lãi suất cho các TCTD triển khai cho vay cho các chương trình tín dụng đặc thù (Nghị định số 100/2015/NĐ-CP, Quyết định số 68/2013/QĐ-TTg).

3. Về công tác cơ cấu lại các TCTD gắn với xử lý nợ xấu

a) Tồn tại, hạn chế:

- Việc thực hiện cơ cấu lại đối với các NHTMNN gặp khó khăn trong việc nâng cao năng lực tài chính thông qua tăng vốn điều lệ trong khi phải duy trì vai trò là lực lượng chủ lực, chủ đạo về quy mô, thị phần, khả năng điều tiết thị trường, góp phần thực hiện CSTT, phục vụ mục tiêu ổn định vĩ mô, hỗ trợ cơ cấu lại các TCTD yếu kém⁵⁸.

- Việc triển khai áp dụng Basel II (phương pháp tiêu chuẩn trở lên) tại một số NHTM còn hạn chế, đòi hỏi các NHTM phải tăng vốn để nâng cao năng lực tài chính, năng lực quản trị rủi ro, cơ chế quản trị, điều hành do trình độ quản trị điều hành hiện nay của các NHTM còn nhiều hạn chế so với Basel II. Ngoài ra, hành lang pháp lý liên quan (như các quy định hướng dẫn chuẩn mực kế toán quốc tế về xác định giá trị thị trường của tài sản, đặc biệt là tài sản tài chính,..) cũng chưa đồng bộ và chưa tiệm cận với các chuẩn mực quốc tế.

- Với thực trạng tài chính hiện nay của các NHTM mua bắt buộc, việc tìm kiếm nhà đầu tư có năng lực tài chính và năng lực quản trị tham gia xử lý, cơ cấu lại các ngân hàng này gặp rất nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, việc triển khai cơ cấu lại các NHTM mua bắt buộc là một quá trình lâu dài, phức tạp, phải phối hợp chặt chẽ và lấy ý kiến của nhiều Bộ, ngành và các cơ quan liên quan⁵⁹.

- Tiến độ xử lý cơ cấu lại đối với một số TCTD phi ngân hàng có chủ sở hữu/cổ đông lớn là các Tập đoàn/Tổng công ty nhà nước còn chậm, phụ thuộc vào nội dung phương án cơ cấu lại tổng thể của Tập đoàn/Tổng công ty nhà nước.

- Cơ cấu thu nhập của hệ thống ngân hàng đã có cải thiện so với thời điểm 31/12/2016 theo hướng tăng tỷ trọng thu nhập từ hoạt động dịch vụ phi tín dụng. Tuy nhiên, tốc độ tăng tỷ trọng thu nhập từ hoạt động dịch vụ phi tín dụng chưa cao (trung bình khoảng 1%/năm), và tỷ trọng thu nhập từ hoạt động tín dụng của các ngân hàng so với tổng thu nhập vẫn còn cao.

- Trong quá trình triển khai quy định liên quan đến xử lý nợ xấu có một số khó khăn vướng mắc về khuôn khổ pháp lý như: Hành lang pháp lý cho hoạt động xử lý nợ xấu đã hình thành nhưng được quy định rải rác tại nhiều văn bản và chưa có Luật Xử lý nợ xấu; thực hiện thứ tự ưu tiên về thuế theo quy định tại Nghị quyết 42; nhận thế chấp, đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với

⁵⁸ Nguyên nhân: Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định 32/2018/NĐ-CP, phạm vi đầu tư bổ sung vốn nhà nước tại DNNN, công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên không bao gồm trường hợp Nhà nước đầu tư bổ sung vốn cho NHTM.

⁵⁹ Việc nâng cao năng lực tài chính, năng lực quản trị rủi ro và cơ chế quản trị điều hành của một số NHTMCP thông qua việc thu hút vốn từ nhà đầu tư nước ngoài còn hạn chế do một số nhà đầu tư nước ngoài là các quỹ đầu tư, chỉ quan tâm tới lợi nhuận, chưa có đóng góp đáng kể cho việc phát triển năng lực và khả năng cạnh tranh của ngân hàng.

đặt hình thành trong tương lai; áp dụng thủ tục rút gọn trong giải quyết tranh chấp về nghĩa vụ giao tài sản và xử lý TSBĐ...

- Quá trình xử lý nợ xấu đối với các NHTM mua bắt buộc gặp khó khăn do phần lớn TSBĐ của các khoản nợ xấu là bất động sản, TSBĐ bị kê biên chủ yếu liên quan đến các vụ án với hồ sơ pháp lý chưa hoàn chỉnh nên thời gian xử lý kéo dài. Bên cạnh đó, giá trị của TSBĐ thường lớn nên gặp rất nhiều khó khăn trong việc thẩm định và đấu giá khi thực hiện xử lý nợ xấu, TSBĐ của các khoản nợ xấu.

b) Định hướng, giải pháp:

- Hoàn thiện, trình cấp có thẩm quyền phương án cơ cấu lại ngân hàng mua bắt buộc, các TCTD yếu kém; nâng cao hiệu quả công tác cơ cấu lại và xử lý nợ xấu của các TCTD yếu kém để ngăn ngừa rủi ro phát sinh ảnh hưởng đến an ninh, tiền tệ tín dụng. Tăng cường tìm kiếm đối tác để chuyển nhượng các ngân hàng mua bắt buộc khi có đủ điều kiện.

- Chỉ đạo TCTD tăng cường kiểm soát chất lượng tín dụng; tích cực triển khai các biện pháp kiểm soát và hạn chế nợ xấu phát sinh, đặc biệt trong bối cảnh bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.

- Hoàn thiện thể chế chính sách, tạo điều kiện thuận lợi để các TCTD cung ứng đầy đủ, đa dạng các sản phẩm dịch vụ tài chính, nhất là sản phẩm dịch vụ ngân hàng phi tín dụng và các sản phẩm dịch vụ hiện đại dựa trên ứng dụng công nghệ số, đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của nền kinh tế.

- Phối hợp với các Bộ, ngành liên quan rà soát hoàn thiện các quy định pháp luật liên quan, nhất là về việc thi hành án, xử lý và thu hồi TSBĐ, thúc đẩy xử lý nợ xấu của hệ thống các TCTD.

- Tập trung chỉ đạo các TCTD, đặc biệt là các ngân hàng thương mại nâng cao năng lực tài chính, quản trị điều hành, đa dạng hóa các loại hình dịch vụ, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin phù hợp với yêu cầu đổi mới của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư nhằm nâng cao khả năng chống chịu của các TCTD trước những biến động bất thường của nền kinh tế, bảo đảm an ninh tiền tệ, an toàn hệ thống và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Phát triển hệ thống các TCTD đủ năng lực cạnh tranh trên thị trường nội địa, từng bước nâng cao năng lực cạnh tranh quốc tế.

- Tăng cường công tác thanh tra, giám sát hoạt động của TCTD, đặc biệt là đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro cao.

- Đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết 42 và Quyết định 1058 để xây dựng, báo cáo Thủ tướng Chính phủ về chủ trương, định hướng, giải pháp cơ cấu lại hệ thống các TCTD gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn tới.

4. Về hoạt động thanh toán

- Hành lang pháp lý về TTKDTM đã tương đối đầy đủ, tuy nhiên vẫn cần tiếp tục bổ sung, hoàn thiện nhằm cho phép ứng dụng khoa học công nghệ trong hoạt động thanh toán.

- Hiện nay, các điểm tiếp cận dịch vụ tài chính - ngân hàng chủ yếu tập trung ở vùng đô thị, chưa phủ rộng khắp ở khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa.

- Dịch vụ, ứng dụng thanh toán điện tử đã được quan tâm đầu tư, phát triển song vẫn chưa hoàn toàn đáp ứng được yêu cầu của người sử dụng.

Trong thời gian tới, NHNN sẽ: (i) Triển khai Đề án phát triển thanh toán không dùng tiền mặt giai đoạn 2021-2025; Thúc đẩy thanh toán điện tử trong khu vực Chính phủ, dịch vụ công; (ii) Tập trung hoàn thiện khung khổ pháp lý tạo thuận lợi cho sự chủ động tham gia vào CMCN 4.0 và đẩy nhanh chuyển đổi số ngành ngân hàng nhằm giúp các ngân hàng, tổ chức TGTG cung ứng các sản phẩm, dịch vụ thanh toán an toàn, bảo mật, giàu tiện ích, giá cả hợp lý, đáp ứng được nhu cầu, đòi hỏi ngày càng cao của khách hàng trong kỷ nguyên số; (ii) Nghiên cứu, triển khai các mô hình thanh toán phù hợp tại khu vực nông thôn, vùng sâu, vùng xa gắn với việc xây dựng và triển khai Chiến lược Quốc gia về Tài chính Toàn diện tại Việt Nam; (iii) Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng hạ tầng thanh toán quốc gia, xử lý thanh toán theo thời gian thực, vận hành liên tục 24x7, đáp ứng tốt nhu cầu ngày càng tăng của người tiêu dùng trong nền kinh tế số, đặc biệt có khả năng kết nối, tích hợp và xử lý thanh toán cho tất cả các đơn vị cung ứng hàng hóa, dịch vụ; (iv) Thúc đẩy đổi mới sáng tạo, ứng dụng thành tựu CMCN 4.0 trong hoạt động thanh toán, tăng cường hợp tác ngân hàng-Fintech để tạo sự phát triển năng động, bứt phá trong hoạt động ngân hàng, gia tăng lợi ích và sự hài lòng của khách hàng; (v) Tăng cường đảm bảo an ninh, an toàn hệ thống công nghệ thông tin trong ngành ngân hàng; bảo vệ quyền lợi hợp pháp của khách hàng.

Chính phủ trân trọng báo cáo Quốc hội, các vị Đại biểu Quốc hội./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch Quốc hội;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- TTgCP và các PTTgCP;
- Tổng Thư ký Quốc hội;
- Ủy ban Kinh tế của Quốc hội;
- Hội đồng Dân tộc của Quốc hội;
- VPQH: HC, Tin học, PVHĐGS (5b);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- NHNNVN (5b);
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, Trợ lý, Thư ký các PTTg;
- các Vụ: QHĐP; Công TTĐTCP;
- Lưu: VT, KTTT (2b). *LT*

TM. CHÍNH PHỦ
TU. Q. THỦ TƯỚNG
THỐNG ĐỐC
NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM



Lê Minh Hưng
Lê Minh Hưng



Phụ lục
MỘT SỐ CHỈ TIÊU, NHIỆM VỤ LIÊN QUAN ĐẾN NGÀNH NGÂN HÀNG
TẠI CÁC NGHỊ QUYẾT CỦA QUỐC HỘI VỀ GIÁM SÁT CHUYÊN ĐỀ VÀ CHẤT VẤN
TRONG NHIỆM KỲ KHÓA XIV VÀ MỘT SỐ NGHỊ QUYẾT TRONG NHIỆM KỲ KHÓA XIII¹
(Kèm theo Báo cáo số 478 /BC-CP ngày 08./10/2020 của Chính phủ)

Số TT	Chỉ tiêu/ nhiệm vụ	Nghị quyết Quốc hội	Kết quả đạt được	Mức độ hoàn thành
Chỉ tiêu				
1	Kiểm soát lạm phát	Nghị quyết số 55/2017/QH14	Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng bình quân trong giai đoạn 2016-2019 khoảng 3,13%/năm, nằm trong mục tiêu Quốc hội đề ra. Bình quân 9 tháng đầu năm, lạm phát cơ bản ở mức thấp ở mức 2,59%; lạm phát chung bình quân ở mức 3,85%, ước cả năm 2020, lạm phát bình quân dưới 4%, hoàn thành mục tiêu Quốc hội giao tại các Nghị quyết số 142/2016/QH13 và Nghị quyết số 85/2019/QH14.	Hoàn thành
2	Giảm lãi suất cho vay ²	Nghị quyết số 55/2017/QH14	- Mức giảm lãi suất điều hành của Việt Nam hiện là một trong các mức giảm mạnh nhất so với các nước trong khu vực. - Mặt bằng lãi suất có xu hướng giảm, lãi suất cho vay đối với các lĩnh vực ưu tiên hiện ở mức 4,5%/năm, giảm khoảng 2,5%/năm so với năm 2016. + Theo số liệu của IMF, lãi suất cho vay của Việt Nam không cao hơn mặt bằng lãi suất cho vay của các nước trong khu vực có trình độ phát triển tương đồng. Đến tháng 7/2020, lãi suất cho vay bình quân của ASEAN-6 khoảng 5,7%/năm, ASEAN-4 khoảng 4,82%; Việt Nam 7,2%/năm. Trong đó, lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa đối với các lĩnh vực ưu tiên của Việt Nam (4,5%/năm) hiện thấp hơn mức lãi suất cho vay bình quân của ASEAN-4. + Nếu so với các nước châu Á khác có trình độ phát triển tương đồng thì lãi suất Việt Nam ở mức trung bình.	Hoàn thành
3	Tỷ lệ nợ xấu	Nghị quyết số 55/2017/QH14	Từ 2017 đến nay, tỷ lệ nợ xấu nội bảng của hệ thống các TCTD tiếp tục được xử lý, kiểm soát và duy trì ở mức dưới 2%: Năm 2017 là 1,99%; năm 2018 là 1,91%; năm 2019 là 1,63%; cuối tháng 7/2020 là 1,92%, ước đến cuối tháng 8/2020 là 1,96%.	Việc thực hiện mục tiêu này là rất thách thức đối với từng TCTD và cả hệ thống các TCTD trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19, đòi hỏi phải có

¹ Nghị quyết số 113/2015/QH13 ngày 27/11/2015; Nghị quyết số 55/2017/QH14 ngày 24/11/2017.

² Thuộc nhóm nhiệm vụ: “Điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, thận trọng...” tại Nghị quyết số 55/2017/QH14.

				sự nỗ lực rất lớn của toàn nền kinh tế nói chung và ngành Ngân hàng nói riêng nhằm đảm bảo an toàn hoạt động của hệ thống ngân hàng ³ .
Nhiệm vụ				
I.	Điều hành chính sách tiền tệ, ngoại hối			
4	Điều hành chính sách tiền tệ chủ động, linh hoạt, thận trọng; phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa và các chính sách kinh tế vĩ mô khác nhằm bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, hỗ trợ sản xuất kinh doanh, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế	Nghị quyết số 55/2017/QH14	<ul style="list-style-type: none"> - Tốc độ tăng chỉ số giá tiêu dùng bình quân trong giai đoạn 2016-2019 khoảng 3,13%/năm, nằm trong mục tiêu Quốc hội đề ra. - Tăng trưởng tín dụng bình quân 2016-2019 khoảng 16%/năm, góp phần quan trọng đối với tăng trưởng kinh tế. Cơ cấu tín dụng tiếp tục có sự điều chỉnh tích cực, tín dụng đối với các lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro cao trong tầm kiểm soát. Tín dụng ngoại tệ được kiểm soát phù hợp với lộ trình hạn chế đô la hóa trong nền kinh tế, thúc đẩy lành mạnh hóa hệ thống ngân hàng. - Thanh khoản cho các TCTD được đảm bảo; Mặt bằng lãi suất về cơ bản duy trì ổn định và hiện đang có xu hướng giảm. Lãi suất cho vay của Việt Nam hiện ở mức trung bình so với mặt bằng của các nước có trình độ phát triển tương đồng trong khu vực. - Tỷ giá và thị trường ngoại tệ về cơ bản ổn định, tâm lý thị trường không xáo trộn, nhất là cân đối cung, cầu vẫn khá thuận lợi, thanh khoản thông suốt. Tỷ giá trung tâm các năm 2016-2019 và đến cuối tháng 9/2020 lần lượt tăng 1,23%; 1,2%; 1,78%; 1,45% và 0,26% so với cuối năm 2019; tỷ giá bình quân liên ngân hàng lần lượt tăng 1,2%; giảm 0,25%; tăng 2,16%; giảm 0,12% và tăng 0,05% so với cuối năm 2019. Đồng Việt Nam ổn định hơn nhiều so với đồng tiền của nhiều đối tác thương mại. Dự trữ ngoại hối đạt mức cao kỷ lục. 	Hoàn thành
5	Tiếp tục thực hiện các giải pháp quản lý thị trường ngoại tệ, thị trường vàng phù hợp nhằm	Nghị quyết số 55/2017/QH14	<ul style="list-style-type: none"> - NHNN tiếp tục triển khai các biện pháp hạn chế sử dụng ngoại tệ trong nước theo quy định tại Thông tư số 32/2013/TT-NHNN ngày 26/12/2013 cùng với các biện pháp khác (điều hành chính sách tiền tệ, điều hành lãi suất, tỷ giá theo hướng tăng tính hấp dẫn của đồng Việt Nam, thu hút ngoại tệ vào hệ thống TCTD...) nhằm thực hiện mục tiêu hạn chế tiến tới xóa bỏ tình trạng đô la hóa, tăng niềm tin của 	Hoàn thành

³ Kinh tế quốc tế và kinh tế Việt Nam đã, đang và sẽ chịu những tác động bất lợi từ các cuộc chiến tranh thương mại và đặc biệt là dịch bệnh Covid-19. Điều này có tác động xấu đến hoạt động của nền kinh tế nói chung và hệ thống ngân hàng nói riêng, trong đó có tác động tới công tác cơ cấu lại và xử lý nợ xấu đặc biệt, khả năng trả nợ của các doanh nghiệp, tiềm ẩn nguy cơ nợ xấu gia tăng, gây áp lực trong việc trích lập dự phòng để xử lý nợ xấu của các TCTD cũng như tiến độ xử lý TSBD của các khoản nợ xấu đối với các TCTD sẽ bị ảnh hưởng nặng nề khi mà các vấn đề nội tại cố hữu của nền kinh tế chưa được giải quyết triệt để.

	chuyên hóa các nguồn vốn vào hoạt động sản xuất, kinh doanh		<p>người dân vào đồng Việt Nam.</p> <p>- Trong giai đoạn 2016-2020, với việc NHNN triển khai các giải pháp đồng bộ để quản lý thị trường vàng theo Nghị định số 24/2012/NĐ-CP và các Thông tư hướng dẫn, thị trường vàng trong nước tiếp tục diễn biến ổn định và tự điều tiết tốt.</p>	
II. Điều hành tín dụng, tín dụng chính sách				
6	Tăng trưởng tín dụng an toàn, hiệu quả, phù hợp với khả năng hấp thụ của nền kinh tế	Nghị quyết số 55/2017/QH14	<p>- Từ năm 2016 đến nay, tín dụng đều có mức tăng trưởng dương ngay từ những tháng đầu năm và có mức tăng trưởng bình quân năm trên 16%: Năm 2016: 18,25%; năm 2017: 18,28%; năm 2018: 13,89%; năm 2019: 13,65.</p> <p>- Những năm gần đây, tín dụng tăng trưởng phù hợp, được kiểm soát theo mục tiêu nhưng tăng trưởng kinh tế vẫn ở mức cao, cho thấy các giải pháp, chính sách tín dụng của NHNN đã đi đúng hướng, vừa đảm bảo mở rộng tín dụng hiệu quả, an toàn, cung ứng đủ vốn cho nền kinh tế, vừa phù hợp với mục tiêu kiểm soát lạm phát.</p>	Hoàn thành
7	Tín dụng tập trung vào các lĩnh vực sản xuất kinh doanh, nhất là các lĩnh vực ưu tiên theo chủ trương chung; chủ động kiểm soát tín dụng ở một số ngành, lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro	Nghị quyết số 55/2017/QH14	<p>Cơ cấu tín dụng có sự điều chỉnh tích cực, trong đó:</p> <p>- Tín dụng tập trung vào lĩnh vực đóng góp tích cực cho tăng trưởng kinh tế như lĩnh vực SXKD, lĩnh vực ưu tiên:</p> <p>(i) Giai đoạn 2016-2019, tín dụng đối với ngành công nghiệp bình quân tăng 9,17%/năm, chiếm trên 20% tổng dư nợ nền kinh tế; Tín dụng ngành xây dựng bình quân tăng 12,76%, chiếm 9,64%; Tín dụng ngành thương mại dịch vụ tăng trưởng ổn định đạt mức trung bình khoảng 18,6%, chiếm từ 57%-62,5%, trong đó, ngành Bán buôn, bán lẻ; sửa chữa ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác là ngành có dư nợ cao nhất, chiếm từ 16,7%-20,5%.</p> <p>(ii) Bình quân giai đoạn 2016-2019, tín dụng đối với lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn tăng 19,83%, chiếm khoảng 22% tổng dư nợ nền kinh tế; doanh nghiệp nhỏ và vừa tăng 16,69%, chiếm 19%; lĩnh vực xuất khẩu tăng 7%, chiếm 3,2%; công nghiệp hỗ trợ tăng 19,57%, chiếm 2,81%; doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao tăng 2,6%, chiếm 0,42%.</p> <p>- Tín dụng đối với lĩnh vực tiềm ẩn rủi ro được kiểm soát chặt chẽ:</p> <p>(i) Đến cuối tháng 8/2020, tín dụng đối với lĩnh vực BĐS tăng 4,78% so với cuối năm 2019, chiếm 19,55% tổng dư nợ tín dụng.</p> <p>(ii) Tăng trưởng tín dụng đối với lĩnh vực đầu tư kinh doanh chứng khoán qua các năm 2018 là 14,7%, năm 2019 là 7,49%, đến cuối tháng 8/2020, giảm 10,35%, chiếm 0,32%.</p>	Hoàn thành

			(iii) Tăng trưởng tín dụng phục vụ đời sống đã được kiểm soát qua các năm: năm 2016 là 48%, năm 2017 là 36,07%; năm 2018 là 29,59%; năm 2019 là 19,49%, tháng 8/2020 tăng 2,37%, chiếm 19,96%. - Bình quân giai đoạn 2016-2019, dư nợ lĩnh vực BOT, BT giao thông tăng 10,82%, chiếm 1,51%, tốc độ tăng giảm mạnh qua các năm và tỷ trọng cũng có xu hướng giảm. Đến cuối tháng 6/2020, dư nợ lĩnh vực này tăng 0,49%, chiếm 1,31%.	
8	Đẩy mạnh kết nối ngân hàng với doanh nghiệp	Nghị quyết số 55/2017/QH14	- Ngành Ngân hàng đã tổ chức các Hội nghị, buổi gặp gỡ, đối thoại để kết nối ngân hàng-doanh nghiệp trong năm 2016 là 733 cuộc; năm 2017 là 1.070 cuộc; năm 2018 là 1.500 cuộc. Riêng trong năm 2019, NHNN đã phối hợp với UBND các tỉnh, thành phố tổ chức 06 Hội nghị lớn về công tác tín dụng tại 03 thành phố lớn và 03 khu vực kinh tế trọng điểm, cùng với 350 cuộc gặp gỡ, đối thoại trên cả nước do NHNN Chi nhánh tỉnh, thành phố phối hợp với các TCTD trên địa bàn tổ chức. - Trong những tháng đầu năm 2020, NHNN đã tổ chức Hội nghị tại 15 tỉnh, thành phố nhằm triển khai các giải pháp hỗ trợ khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.	Hoàn thành
9	Hoàn thiện chính sách tín dụng nông nghiệp, nông thôn, trong đó, chú trọng cho vay đối với lĩnh vực nông nghiệp công nghệ cao	Nghị quyết số 55/2017/QH14	NHNN đã trình Chính phủ ban hành Nghị định 116/2018/NĐ-CP ngày 07/9/18 sửa đổi bổ sung Nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 09/6/2015, trong đó có nhiều chính sách ưu đãi, khuyến khích như: Nâng mức cho vay không có tài sản đảm bảo đối với hộ dân, hộ gia đình; bổ sung đối tượng được vay vốn, cho phép mở rộng cho vay không có tài sản đảm bảo (TSĐ) tối đa lên đến 70% giá trị dự án, phương án sản xuất NNCNC đối với các doanh nghiệp có dự án sản xuất NNCNC nhưng không thuộc khu, vùng NNCNC, chưa được cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp NNCNC...	Hoàn thành
10	Có giải pháp hỗ trợ nhân dân vùng bị thiên tai để sớm khôi phục hoạt động sản xuất, ổn định đời sống	Nghị quyết số 55/2017/QH14	NHNN đã kịp thời chỉ đạo các TCTD triển khai các giải pháp hỗ trợ người dân, doanh nghiệp bị thiệt hại do thiên tai (bão lũ, xâm nhập mặn vùng ĐBSCL, mưa lớn dẫn đến tiêu chết tại Tây Nguyên, cháy rừng khu vực Duyên hải miền Trung,...), dịch tả lợn Châu Phi... thông qua các biện pháp như cơ cấu lại thời hạn trả nợ, miễn giảm lãi vay, cho vay mới, ưu tiên thu gốc trước, lãi sau,...; đồng thời, đáp ứng đầy đủ, kịp thời nhu cầu vốn thu mua lúa gạo nhằm hạn chế đà giảm giá, ảnh hưởng đến thu nhập người trồng lúa khu vực ĐBSCL.	Hoàn thành
11	Rà soát, đánh giá, tiếp tục triển khai có hiệu quả các hoạt động cho vay	Nghị quyết số 55/2017/QH14	Kể từ khi Nghị định 67 có hiệu lực đến ngày 31/12/2017 (thời điểm dừng thực hiện ký kết mới hợp đồng cho vay đóng mới, nâng cấp tàu), các ngân hàng đã ký hợp đồng tín dụng đối với ngư dân để cho vay đóng mới, nâng cấp 1.177 tàu (1.031 tàu đóng mới và 146 tàu nâng cấp), chiếm 45,2% tổng số tàu cần đóng	Các ngân hàng đã hoàn thành việc cho vay và giải ngân vốn vay phục vụ đóng mới, nâng cấp

	hỗ trợ ngư dân		mới Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phân bổ cho các địa phương giai đoạn 2014 - 2020, với tổng số tiền cam kết cho vay đạt trên 11.700 tỷ đồng. Dư nợ đến cuối quý II/2020 đạt 9.936 tỷ đồng của 1.157 tàu còn dư nợ.	tàu theo chỉ đạo của Chính phủ ⁴ .
12	Tiếp tục triển khai có hiệu quả các hoạt động cho vay nhà ở xã hội	Nghị quyết số 55/2017/QH14	- NHNN đã ban hành đầy đủ các văn bản hướng dẫn về cho vay; - NHNN đã phối hợp chặt chẽ với các Bộ, ngành liên quan xây dựng trình Chính phủ về việc cấp nguồn vốn ngân sách thực hiện cho vay nhà ở xã hội, văn bản hướng dẫn về cấp bù lãi suất.	Hoàn thành
13	Kiểm soát hoạt động cho vay các dự án giao thông theo hình thức BOT theo hướng vừa bảo đảm an toàn hoạt động của TCTD, vừa tạo điều kiện tiếp cận vốn tín dụng cho các dự án BOT giao thông	Nghị quyết số 55/2017/QH14	Bám sát chỉ đạo của Quốc hội, Chính phủ, NHNN đã theo dõi sát sao tình hình cấp tín dụng đối với các dự án BOT, BT giao thông, đồng thời chỉ đạo các TCTD: (i) Kiểm soát chặt chẽ, mức độ tập trung tín dụng vào các dự án BOT, BT giao thông. Tăng cường kiểm soát rủi ro trong việc cho vay đối với các dự án BOT giao thông; (ii) Tăng cường cho vay hợp vốn đối với các dự án lớn nhằm chia sẻ rủi ro, đảm bảo các chỉ tiêu an toàn theo quy định; (iii) Thường xuyên nắm bắt thông tin về dự án, khách hàng vay vốn, phối hợp với khách hàng để giải quyết khó khăn, vướng mắc	Hoàn thành
III. Hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, hệ thống các VBQPPL về hoạt động ngân hàng				
14	Khẩn trương hoàn thiện khuôn khổ pháp lý, hệ thống các văn bản quy phạm pháp luật về an toàn ngân hàng	Nghị quyết số 55/2017/QH14	Từ năm 2016 đến nay, NHNN đã trình Quốc hội, Chính phủ/Thủ tướng Chính phủ ban hành 01 Luật, 01 Nghị quyết, 15 Nghị định, 04 Quyết định; ban hành 168 Thông tư, 02 Thông tư liên tịch.	Hoàn thành
15	Triển khai thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các TCTD và các đề án, giải pháp để nâng cao năng lực quản trị, điều hành,	Nghị quyết số 55/2017/QH14	NHNN đã ban hành/trình cấp có thẩm quyền ban hành văn bản quy định chi tiết Luật (bao gồm 01 Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và 03 Thông tư), đồng thời tiến hành rà soát, sửa đổi, bổ sung 13 Thông tư để đảm bảo sự đồng bộ, thống nhất với quy định tại Luật.	Hoàn thành

⁴ NHNN thường xuyên chỉ đạo các ngân hàng theo dõi chặt chẽ tình hình vay, trả nợ của ngư dân để kịp thời triển khai các giải pháp tháo gỡ khó khăn phát sinh. Hiện nay NHNN đang phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Đơn vị chủ trì) trong việc nghiên cứu các nội dung sửa đổi, bổ sung Nghị định 67.

	chú trọng quản trị rủi ro, bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng			
16	Trong năm 2018, rà soát, sửa đổi các quy định về hoạt động của hệ thống QTDND bảo đảm an toàn, hiệu quả, đáp ứng tình hình mới	Nghị quyết số 55/2017/QH14	Trong giai đoạn 2016 đến nay, hệ thống văn bản về ngân hàng Hợp tác xã, QTDND và quỹ bảo đảm an toàn hệ thống QTDND được rà soát, sửa đổi, bổ sung, ban hành mới đầy đủ, đảm bảo thống nhất với hệ thống pháp luật hiện hành, nâng cao hiệu quả chất lượng hoạt động của QTDND như: Thông tư số 09/2016/TT-NHNN ngày 17/6/2016; Thông tư số 06/2017/TT-NHNN ngày 05/7/2017; Thông tư số 05/2018/TT-NHNN ngày 12/3/2018; Thông tư số 21/2019/TT-NHNN ngày 14/11/2019; Thông tư số 23/2018/TT-NHNN ngày 14/9/2018...	Đã triển khai và có kết quả rõ ràng
IV. Tái cơ cấu, xử lý nợ xấu và tăng cường thanh tra, giám sát ngân hàng				
17	Tiếp tục triển khai hiệu quả việc cơ cấu lại các TCTD gắn với xử lý nợ xấu, trong đó tập trung xử lý dứt điểm các TCTD yếu kém theo cơ chế thị trường trên nguyên tắc thận trọng, bảo đảm quyền lợi của người gửi tiền và giữ vững sự ổn định, an toàn hệ thống, không hỗ trợ trực tiếp từ ngân sách nhà nước, xử lý căn bản và thực chất nợ xấu	Nghị quyết số 55/2017/QH14	<p><i>(1) Về nhiệm vụ tập trung xử lý dứt điểm các TCTD yếu kém:</i> Việc xử lý các TCTD yếu kém được NHNN tập trung chỉ đạo. Phương án xử lý các NHTM mua bắt buộc đã được trình lên các cấp có thẩm quyền; NHNN đã chỉ đạo các ngân hàng mua bắt buộc chủ động, tích cực tìm kiếm đối tác, đàm phán với các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài có nguyện vọng tham gia cơ cấu lại; đồng thời, sắp xếp lại mạng lưới hoạt động, tiết giảm chi phí, triển khai các hoạt động kinh doanh an toàn... trên nguyên tắc quyết liệt, thận trọng, chặt chẽ. Đối với việc xử lý các QTDND yếu kém, NHNN cũng chỉ đạo các NHTM tích cực tham gia hỗ trợ, tái cơ cấu các QTDND yếu kém để từng bước củng cố, chấn chỉnh, duy trì hoạt động ổn định của các QTDND.</p> <p>Tuy nhiên, quá trình xử lý, cơ cấu lại các NHTM yếu kém nói riêng và TCTD yếu kém nói chung vẫn còn gặp một số khó khăn, vướng mắc. Do đó, để hoàn thành mục tiêu xử lý căn bản, triệt để các TCTD yếu kém đòi hỏi phải có sự phối hợp chặt chẽ của các Bộ, ngành và các cơ quan liên quan; đồng thời, phụ thuộc rất lớn vào kết quả đàm phán, tìm kiếm nhà đầu tư có năng lực tài chính, quản trị tham gia xử lý, cơ cấu lại TCTD.</p> <p><i>(2) Về nhiệm vụ xử lý căn bản và thực chất nợ xấu:</i> NHNN đã tập trung chỉ đạo các TCTD nỗ lực xử lý nợ xấu bằng các giải pháp theo quy định pháp luật, trong đó ưu tiên áp dụng các giải pháp thu hồi nợ, xử lý tài sản bảo đảm tại Nghị quyết 42. Giai đoạn từ 2016 đến thời điểm 31/7/2020, toàn hệ thống các TCTD đã xử lý được 620,7 nghìn tỷ đồng. Lũy kế từ 15/8/2017 đến cuối tháng 7/2020, cả hệ thống TCTD đã xử lý được 303,1 nghìn tỷ đồng nợ xấu xác định theo Nghị quyết 42 (Không bao gồm nợ xấu xử lý bằng sử dụng dự phòng rủi</p>	Đã triển khai và đạt một số kết quả tích cực

			<p>ro). Tổng số nợ xấu xác định theo Nghị quyết số 42 được xử lý từ 15/8/2017 đến cuối tháng 7/2020 đạt trung bình khoảng 6,92 nghìn tỷ đồng/tháng, cao hơn 3,40 nghìn tỷ đồng/tháng so với kết quả xử lý nợ xấu nội bảng trung bình tháng từ năm 2012 - 2017 của hệ thống các TCTD trước khi Nghị quyết số 42 có hiệu lực (khoảng 3,52 nghìn tỷ đồng/tháng).</p> <p>Kể từ khi Nghị quyết số 42 có hiệu lực từ 15/8/2017 đến cuối tháng 7/2020, xử lý nợ xấu nội bảng xác định theo Nghị quyết số 42 chủ yếu thông qua hình thức khách hàng trả nợ là 123,8 nghìn tỷ đồng (chiếm khoảng 40,8% tổng nợ xấu nội bảng theo Nghị quyết số 42 đã xử lý), cao hơn nhiều tỷ trọng nợ xấu được xử lý do khách hàng tự trả nợ/tổng nợ xấu nội bảng đã xử lý trung bình năm từ 2012-2017 là khoảng 22,8%. Kết quả xử lý nợ xấu xác định theo Nghị quyết số 42 bằng hình thức khách hàng trả nợ tăng mạnh, phản ánh ý thức trả nợ của khách hàng đã cải thiện. Khách hàng chủ động và hợp tác hơn trong việc trả nợ TCTD, hạn chế tình trạng chủ tài sản cố ý chây ì, chống đối nhằm kéo dài thời gian xử lý.</p> <p>Đây là dấu hiệu tích cực cho thấy Nghị quyết số 42 đã và đang phát huy hiệu quả, nợ xấu được xử lý căn bản và thực chất hơn.</p>	
18	Có các giải pháp phù hợp để khuyến khích các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài có tiềm lực tham gia cơ cấu lại các TCTD	Nghị quyết số 55/2017/QH14	<p>NHNN chỉ đạo các NHTM tích cực đàm phán với các nhà đầu tư trong và ngoài nước để khuyến khích sự tham gia của các nhà đầu tư trong và ngoài nước trong việc góp vốn đầu tư, tái cơ cấu ngân hàng theo quy định pháp luật. Trong thời gian qua, một số NHTM mua bắt buộc đã đàm phán với các nhà đầu tư nước ngoài để xây dựng phương án cơ cấu lại trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.</p>	Đã triển khai và đạt một số kết quả tích cực
19	Có các biện pháp cụ thể đẩy mạnh hoạt động nâng cao năng lực và bộ máy quản trị của các TCTD	Nghị quyết số 55/2017/QH14	<p>- Ngày 18/5/2018, NHNN ban hành Thông tư 13/2018/TT-NHNN quy định về kiểm soát nội bộ của NHTM, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, theo đó hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng được xây dựng phù hợp với thông lệ quốc tế mới nhất về quản trị ngân hàng và quản trị rủi ro phù hợp theo hướng dẫn của Ủy ban Basel. Ngoài ra, NHNN đã thực hiện, triển khai các giải pháp cải thiện và minh bạch hóa thông tin tín dụng, nhằm nâng cao khả năng thu thập, cung cấp thông tin tín dụng khách hàng vay, phục vụ hoạt động cho vay của TCTD đối với doanh nghiệp được thuận lợi, thúc đẩy hoạt động kinh doanh và phát triển của doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp vừa và nhỏ. Bên cạnh đó, trong quá trình chỉ đạo các TCTD xây dựng phương án cơ cấu lại, NHNN đã định hướng các TCTD sớm thực hiện niêm yết cổ phiếu (đối với các TCTD chưa niêm yết), nâng cao tính minh bạch trong hoạt động của TCTD.</p> <p>-Việc triển khai Chuẩn mực vốn Basel II tiếp tục được tập trung thực hiện để đáp ứng các thông lệ quốc tế về an toàn vốn. Đến nay, hầu hết các TCTD đã áp dụng tỷ</p>	Hoàn thành

			lệ an toàn vốn theo Thông tư số 41/2016/TT-NHNN, trong đó đến hết năm 2019, 18 TCTD đã được NHNN chấp thuận áp dụng trước thời hạn tỷ lệ an toàn vốn theo Thông tư số 41/2016/TT-NHNN; hoàn thành chỉ tiêu 12-15 TCTD đạt chuẩn Basel II về an toàn vốn vào năm 2020.	
20	Nâng cao năng lực của VAMC	Nghị quyết số 113/2015/QH13	<p>- Hiện nay, VAMC đang triển khai Đề án Cơ cấu lại và nâng cao năng lực VAMC giai đoạn 2017-2020 (ban hành theo Quyết định số 28/QĐ-NHNN ngày 05/01/2018 của NHNN và Quyết định số 2162/QĐ-NHNN ngày 02/11/2018 sửa đổi Quyết định 28) theo hướng tiếp tục duy trì vai trò của VAMC là công cụ đặc biệt của Nhà nước trong xử lý nợ xấu và là trung tâm thúc đẩy sự phát triển của thị trường mua bán nợ.</p> <p>- VAMC đã: (i) Kiện toàn bộ máy tổ chức, hoàn thiện mô hình hoạt động; (ii) Xây dựng, ban hành nhiều quy định nội bộ quan trọng có liên quan đến hoạt động mua bán xử lý nợ; (iii) Hoàn thiện, trình cấp có thẩm quyền xem xét phê duyệt Chiến lược phát triển đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và Đề án Sàn giao dịch nợ VAMC; (iv) Nâng cao năng lực quản trị rủi ro cho VAMC; (v) Phát triển nguồn nhân lực; (vi) Tăng cường năng lực tài chính.</p> <p>- Hoạt động mua nợ của VAMC góp phần quan trọng trong việc duy trì tỷ lệ nợ xấu của hệ thống TCTD ở mức dưới 3% trong suốt giai đoạn từ 2015 đến nay.</p> <p>- Việc xử lý nợ xấu tại VAMC đạt được kết quả tích cực.</p>	Đã triển khai và có kết quả rõ ràng
21	Tăng cường hoạt động thanh tra, giám sát, kiểm tra, kiểm soát nội bộ, đặc biệt là thanh tra, kiểm soát đột xuất nhằm cảnh báo sớm và phát hiện kịp thời các yếu kém trong hoạt động của các TCTD, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật trong hệ thống	Nghị quyết số 55/2017/QH14	<p>- Công tác thanh tra tiếp tục được đổi mới theo hướng thanh tra pháp nhân, gắn kết chặt chẽ với công tác giám sát, từng bước kết hợp và áp dụng phương pháp thanh tra trên cơ sở rủi ro, hướng tới ngăn chặn, cảnh báo sớm các rủi ro có khả năng phát sinh thay vì chỉ tập trung xử lý sai phạm đã xảy ra.</p> <p>- Công tác giám sát ngân hàng thường xuyên được đổi mới và tăng cường trên cơ sở hoàn thiện, triển khai các công cụ, phương pháp giám sát mới gắn liền với đầy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, phát triển cơ sở dữ liệu và hệ thống tiêu chí giám sát nhằm nâng cao khả năng cảnh báo sớm của NHNN đối với những rủi ro tiềm ẩn mang tính hệ thống và ngăn ngừa nguy cơ vi phạm pháp luật ngân hàng của các TCTD.</p>	Đã triển khai và có kết quả rõ ràng
22	Sử dụng hiệu quả thông tin đánh giá tín nhiệm TCTD	Nghị quyết số 55/2017/QH14	NHNN tiến hành đánh giá, xếp hạng các TCTD dựa trên 06 tiêu chí theo mô hình CAMELS. Trên cơ sở kết quả xếp hạng, NHNN có các biện pháp quản lý phù hợp với tình hình hoạt động và sự lành mạnh của từng TCTD.	Đã triển khai và đạt một số kết quả tích cực
23	Xử lý dứt điểm tình	Nghị quyết số	Vấn đề sở hữu chéo, đầu tư chéo trong hệ thống các TCTD đã được xử lý có hiệu	Về cơ bản là hoàn thành

	trạng sở hữu chéo	55/2017/QH14	quả, tình trạng cổ đông/nhóm cổ đông lớn, thao túng, chi phối ngân hàng được kiểm soát. Kết quả đến: (i) Số cặp TCTD sở hữu chéo trực tiếp lẫn nhau đến nay đã khắc phục hết (năm 2012: 7 cặp); (ii) Sở hữu cổ phần trực tiếp lẫn nhau giữa ngân hàng và doanh nghiệp giảm, đến nay còn tại 1 NHTMCP với 1 cặp sở hữu cổ phần lẫn nhau (tại thời điểm tháng 6/2012 có 56 cặp).	
24	Quản lý hoạt động cho vay của các CTTC, hoạt động cho vay tiêu dùng	Nghị quyết số 55/2017/QH14	<ul style="list-style-type: none"> - Hoàn thiện các cơ chế, chính sách quy định về cho vay tiêu dùng và cho vay phục vụ nhu cầu đời sống như: Thông tư số 43/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016; Thông tư số 18/2019/TT-NHNN ngày 04/11/2019... - Công tác quản lý hoạt động cho vay của các CTTC, hoạt động cho vay tiêu dùng được thực hiện qua hoạt động thanh tra định kỳ/đợt xuất và công tác giám sát. Căn cứ kết quả thanh tra, giám sát, NHNN đã đưa ra các kiến nghị, chấn chỉnh, cảnh báo, xử phạt đối với các hành vi vi phạm theo quy định pháp luật. 	Đã triển khai và có những kết quả rõ ràng
V. Hiện đại hóa hệ thống thanh toán, thúc đẩy TTKDTM, đảm bảo an ninh an toàn thanh toán				
25	Triển khai tích cực Đề án thanh toán không dùng tiền mặt; đẩy mạnh ứng dụng vào bảo đảm an ninh, an toàn công nghệ thông tin trong hoạt động ngân hàng	Nghị quyết số 55/2017/QH14	<ul style="list-style-type: none"> - Hạ tầng kỹ thuật và công nghệ phục vụ TTKDTM, nhất là thanh toán điện tử được đầu tư, nâng cấp, trong đó Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng hoạt động an toàn, hiệu quả và thông suốt, tiếp tục phát huy vai trò là Hệ thống thanh toán xương sống của quốc gia, đáp ứng tốt nhu cầu thanh toán liên ngân hàng trong toàn quốc; - Hoạt động TTKDTM có sự phát triển mạnh mẽ, nhất là thanh toán qua điện thoại di động và Internet; - Xu hướng chuyển dịch sang các sản phẩm, dịch vụ có ứng dụng công nghệ mới, hiện đại, tiện ích và thân thiện với người sử dụng; - Thanh toán điện tử trong khu vực dịch vụ công đã được chú trọng, tăng cường. 	Hoàn thành